

NGÂN HÀNG SINOPAC
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(“Ngân Hàng”)
BANK SINOPAC
HO CHI MINH CITY BRANCH
(“Bank”)

[Tên Bên Được Cấp Tín Dụng]
[Borrower Name]

(“Bên Được Cấp Tín Dụng”)
(“Borrower”)

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN
MEDIUM-TERM AND LONG-TERM FACILITY
AGREEMENT

Số/No.: _____

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TRUNG DÀI HẠN NÀY (“Hợp Đồng”) được lập ngày _____ tháng _____ năm _____ bởi và giữa:

THIS MEDIUM-TERM AND LONG-TERM FACILITY AGREEMENT (the “Agreement”) is made on _____ by and between:

- (1) **NGÂN HÀNG SINOPAC – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**, một chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp phép và hoạt động hợp lệ theo luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, theo Giấy Phép Thành Lập Chi Nhánh Ngân Hàng Nước Ngoài số 02/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 01 năm 2020 và các giấy phép điều chỉnh sau này (nếu có); có mã số thuế là 0303327614, có văn phòng tại Tầng 9, Tòa nhà Friendship Tower, Số 31 đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BANK SINOPAC – HO CHI MINH CITY BRANCH, a foreign bank branch duly licensed and operating under the laws of the Socialist Republic of Vietnam, pursuant to the Branch Of Foreign Bank Registration Certificate No. 02/GP-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 08 January 2020 and subsequent amendments (if any); having tax code No. 0303327614, with its head office located at 9th floor, Friendship Tower Building, No. 31 Le Duan Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Đại diện bởi/ Represented by: **Ông/Mr.** _____

Chức vụ/ Position: **Tổng Giám Đốc/ General Director**

(“Ngân Hàng”/the “Bank”)

VÀ/ AND

- (2) **[Tên Bên Được Cấp Tín Dụng]**, một công ty được thành lập hợp lệ và tồn tại theo luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có mã số doanh nghiệp số: _____, có trụ sở tại _____.

[Borrower Name], a company duly organized and existing under the laws of the Socialist Republic of Vietnam, business registration code: _____, with its head office located at _____.

Đại diện bởi/ Represented by: **Mr./**

Chức vụ/ Position: _____/ _____

Theo Giấy ủy Quyền số _____ ngày _____ do Người đại diện theo pháp luật cấp.

Pursuant to Power of Attorney No. _____ dated _____ issued by company's legal representative.

(“Bên Được Cấp Tín Dụng”/ the “Borrower”)

XÉT RẰNG/ WHEREAS:

- (i) Bên Được Cấp Tín Dụng đã yêu cầu Ngân Hàng cung cấp một số khoản tín dụng ngân hàng như được nêu chi tiết tại Điều 2 của Hợp Đồng dưới đây theo Tài Liệu Cấp Vốn hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương do Ngân Hàng phát hành được Bên Được Cấp Tín Dụng điền hợp lệ và nộp cho Ngân Hàng; và

The Borrower has requested the Bank to make available such credit facilities as detailed in Article 2 of this Agreement pursuant to the Facility Documents or other equivalent documents issued by the Bank, duly completed by the Borrower and submitted to the Bank; and

- (ii) Ngân Hàng đã đồng ý cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng các khoản tín dụng ngân hàng được yêu cầu tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện trong Thư Thông Báo Hạn Mức Tín Dụng số _____ và trong Hợp Đồng này.

The Bank has agreed to extend to the Borrower the requested credit facilities subject to the terms and conditions of Facility Letter No _____ and this Agreement.

CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

IT IS AGREED as follows:

1. ĐỊNH NGHĨA/ DEFINITIONS

Tại Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác:

In this Agreement, unless the context requires otherwise:

- 1.1. “Tài Liệu Cấp Vốn”** có nghĩa là bất kỳ văn bản thỏa thuận nào mà Ngân Hàng hoặc Bên Có Nghĩa Vụ là một bên tham gia nhằm thực hiện Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn Thư Thông Báo Hạn Mức Tín Dụng, Hợp Đồng này, Yêu Cầu Ứng Vốn, Hợp Đồng Bảo Đảm, Thư Bảo Lãnh/Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh, các văn bản có nội dung đề nghị Phát Hành/Xác Nhận/Hoàn Trả Thư Tín Dụng, các điều kiện và điều khoản sử dụng các dịch vụ do Ngân Hàng cung cấp trong phạm vi Hợp Đồng này, Thỏa Thuận Thương Mại Chung và bất kỳ văn bản nào khác phát sinh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Cấp Tín Dụng và Ngân Hàng hoặc được một Bên theo Hợp Đồng này ký kết nhằm mục đích cho việc thực hiện Khoản Cấp Tín Dụng theo Thư Thông Báo Hạn Mức Tín Dụng và Hợp Đồng này, bao gồm tất cả sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các văn bản thỏa thuận nói trên được Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng ký kết tại từng thời điểm;

“Facility Documents” mean any agreement to which the Bank or the Obligor is a party in order for the performance of this Agreement, including but not limited to Facility Letter, this Agreement, Loan Disbursement Request, the Security Agreement, the Letter of Guarantee/Agreement on Guarantee Issuance, the requests for Issuance/Confirmation/Reimbursement of Letter of Credit, terms and conditions applicable to the services provided by the Bank in this Agreement, General Commercial Agreement and any other documents incurred and/or entered into between or amongst the Borrower and the Bank or to which a party to this Agreement is also a party for the purposes of performance of the Facilities in accordance with Facility Letter and this Agreement, including all amendments, supplements or replacements of the aforementioned agreements executed by the Bank and the Borrower from time to time;

- 1.2. “Hạn Mức Cấp Tín Dụng”** có nghĩa là tổng số tiền tối đa mà Ngân Hàng đồng ý cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ Cho Vay, Bảo Lãnh

Ngân Hàng, Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng, và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với các Tài Liệu Cấp Vốn;

“Facility Limit” means the maximum amount that the Bank agrees to extend to the Borrower on a repayable basis in the form of Loan, Bank Guarantee, Letter of Credit Operation and/or other form of credit facility in accordance with the laws of Vietnam and subject to the Facility Documents;

- 1.3. **“Khoản Cấp Tín Dụng”** có nghĩa là khoản cấp tín dụng trung, dài hạn cụ thể mà Ngân Hàng cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng bao gồm nhưng không giới hạn các nghiệp vụ: Cho Vay, Bảo Lãnh Ngân Hàng, Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với các Tài Liệu Cấp Vốn. Các Khoản Cấp Tín Dụng được quy định chi tiết theo Điều 3 của Hợp Đồng này;

“Facility” means each facility provided by the Bank to the Borrower including but not limited to the following forms: Loan, Bank Guarantee, Letter of Credit Operation, and other credit facility in accordance with the laws of Vietnam and subject to the Facility Documents are stipulated in detail in Article 3 of this Agreement;

- 1.4. **“Khoản Tiền Ứng”** có nghĩa là một khoản tiền cụ thể trong phạm vi của Khoản Cấp Tín Dụng được Ngân Hàng giải ngân cho Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc một khoản tiền cụ thể của bất kỳ Khoản Cấp Tín Dụng nào được Ngân Hàng cấp, trả thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng và/hoặc gia hạn cho Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc các hình thức tương tự tương ứng với các nghiệp vụ cấp tín dụng theo quy định tại Hợp Đồng này;

“Advance” means any amount of the proceeds of the Facility Limit disbursed by the Bank to the Borrower, or any amount of any Facilities issued, paid on behalf of the Bank and/or renewed by the Bank for the account of the Borrower or similar forms respective to the types of credit facilities provided under this Agreement;

- 1.5. **“Bên Bảo Lãnh”** có nghĩa là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào (cùng) cam kết sẽ thực hiện một phần, toàn bộ và đầy đủ nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng đối với Ngân Hàng thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng trong trường hợp khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên Được Cấp Tín Dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng theo Hợp Đồng này. Bên Bảo Lãnh bao gồm cả các tổ chức hoặc cá nhân (cùng) dùng một hoặc nhiều tài sản bảo đảm để thực hiện cam kết với Ngân Hàng.

“Guarantor” means any entity or individual who (jointly) commits to perform part of or all and the entirety of the Borrower's obligations on behalf of the Borrower in the case that the Borrower fails to perform or fails to fully perform its obligations pursuant to this Agreement. The Guarantor shall also include any entity or individual who (jointly) using one or more security assets in order to perform commitments towards the Bank;

- 1.6. **“Bên Có Nghĩa Vụ”** có nghĩa là Bên Được Cấp Tín Dụng và/hoặc Bên Bảo Lãnh (được gọi chung là **“Các Bên Có Nghĩa Vụ”**);

“Obligor” means the Borrower and/or the Guarantor (collectively, the “Obligors”);

- 1.7. **“Hợp Đồng Bảo Đảm”** có nghĩa là một và/hoặc (các) hợp đồng cầm cố tài sản và/hoặc thế chấp tài sản và/hoặc hợp đồng bảo lãnh do Bên Được Cấp Tín Dụng và/hoặc Bên Bảo Lãnh ký kết với Ngân Hàng để bảo đảm cho việc Bên Được Cấp Tín Dụng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Tài Liệu Cấp Vốn;

“Security Agreement” means (an) agreement(s) of asset pledge and/ or mortgage and/or guarantee agreement(s) executed by the Borrower and/or a Guarantor with the Bank to secure the Borrower’s performance of its obligations under the Facility Documents;

- 1.8. **“Yêu Cầu Ứng Vốn”** có nghĩa là yêu cầu của Bên Được Cấp Tín Dụng, được thể hiện tại các văn bản theo mẫu do Ngân Hàng ban hành trong từng thời kỳ, gửi cho Ngân Hàng để được giải ngân một Khoản Tiền Ứng theo Tài Liệu Cấp Vốn;

“Loan Disbursement Request” means a request of the Borrower, contained in the written form issued by the Bank from time to time, in order to seek the disbursement of an Advance in accordance with the Facility Documents;

- 1.9. **“Ngày Làm Việc”** có nghĩa là bất kỳ ngày nào (không phải thứ bảy hoặc chủ nhật hoặc các ngày được nghỉ bù hoặc các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam), mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa giao dịch tại Việt Nam với điều kiện ngày đó cũng phải là:

1.9.1. đối với giao dịch thanh toán thông qua hệ thống thanh toán của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam mở cửa làm việc; và

1.9.2. đối với giao dịch thanh toán không qua hệ thống thanh toán của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày mà hệ thống thanh toán sử dụng để thanh toán cho giao dịch đó có làm việc;

“Business Day” means any day (not including Saturday or Sunday or holidays according to the Vietnamese Law) on which banks are open for general business in Vietnam and subject to the condition that:

1.9.1. *for the transactions conducted via payment system of the State Bank of Vietnam, the day on which the State Bank of Vietnam is open for general business; and*

1.9.2. *for the transactions conducted outside the payment system of the State Bank of Vietnam, the day on which the payment system via which the transactions are conducted is open;*

- 1.10. **“Ngày Giải Ngân”** có nghĩa là bất kỳ Ngày Làm Việc nào mà vào thời điểm đó Ngân Hàng cấp (một) Khoản Tiền Ứng cho Bên Được Cấp Tín Dụng;

“Disbursement Date” means any Business Day on which (an) Advance(s) is made available by the Bank for the account of the Borrower;

- 1.11. **“Ngày Hoàn Trả”** có nghĩa là ngày mà Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ (các) Khoản Tiền Ứng đã được giải ngân theo Khoản Cấp Tín Dụng và các khoản tiền lãi, phí kèm theo cho Ngân Hàng phù hợp với Tài Liệu Cấp Vốn;

“Repayment Date” means each of the days pursuant to this Agreement and Facility Documents in which the Borrower is liable to pay the Bank all Advance(s) disbursed under the Facility Documents together with any interests and fees;

- 1.12. **“Thư Tín Dụng”** có nghĩa là cam kết không thể hủy ngang của ngân hàng phát hành cho bên thụ hưởng về việc sẽ thanh toán trên cơ sở nhận được bộ chứng từ xuất trình phù hợp;

“Letter of Credit” means an irrevocable undertaking by an issuing bank to pay the beneficiary on the basis of the received set of documents that meets the requirements of a complying presentation;

- 1.13. **“Sự Kiện Vi Phạm”** có nghĩa là bất kỳ và/hoặc toàn bộ các sự kiện hoặc tình huống phát sinh được mô tả theo quy định tại Điều 11.1 của Hợp Đồng này;

“Event of Default” means any and/or all of the events or circumstances as prescribed in Article 11.1 of this Agreement;

- 1.14. **“Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể”** có nghĩa là (các) sự kiện hoặc tình huống xảy ra mà có thể có khả năng, một cách hợp lý, gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến: (i) việc kinh doanh, hoạt động, tài sản, các điều kiện (điều kiện tài chính hoặc điều kiện khác) hoặc triển vọng kinh doanh của Bên Có Nghĩa Vụ; (ii) khả năng của Bên Có Nghĩa Vụ để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn nào, hoặc (iii) hiệu lực hoặc khả năng thực thi của Hợp Đồng này hay bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào hoặc các quyền hoặc biện pháp khắc phục của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hay bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào;

“Material Adverse Effect” means any event(s) or circumstance(s) occurring, which may, in a reasonable manner, cause a material adverse effect on: (i) the business, operations, property, conditions (financial conditions or other conditions) or business prospects of an Obligor; (ii) the ability of the Obligor to perform its obligations under any Facility Document; or (iii) the validity or enforceability of this Agreement or any Security Agreement or the rights and remedies of the Bank under this Agreement or any Security Agreement;

- 1.15. **“Đồng Tiền Tùy Chọn”** có nghĩa là bất kỳ loại tiền tệ nào ngoài VND;

“Optional Currency” means any currency other than VND;

- 1.16. **“VND”** hoặc **“Đồng Việt Nam”** có nghĩa là loại tiền tệ hợp pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

“VND” or “Vietnamese Dong” means the lawful currency of the Socialist Republic of Vietnam;

- 1.17. **“Cho Vay”** có nghĩa là hình thức cấp tín dụng trung, dài hạn thông qua việc Ngân Hàng giao hoặc cam kết giao cho Bên Được Cấp Tín Dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho Ngân Hàng;

“Loan” means a form of medium – long term credit facility through which the Bank provides or commits to provide the Borrower with an amount of money to be used for a specified purpose, within a certain period of time, based on the principle of full repayment of principal and interest as agreed with the Bank;

- 1.18. “**Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng**” có nghĩa là hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ Phát Hành/Xác Nhận/Hoàn Trả Thư Tín Dụng;

“Letter of Credit Operation” means a form of credit facility through which the Bank engages in Issuance/Confirmation/Reimbursement of a Letter of Credit;

- 1.19. “**Phát Hành Thư Tín Dụng**” là việc Ngân Hàng cấp tín dụng cho Bên Được Cấp Tín Dụng thông qua phát hành Thư Tín Dụng cho bên thụ hưởng theo đề nghị của Bên Được Cấp Tín Dụng. Bên Được Cấp Tín Dụng phải nhận nợ và hoàn trả đầy đủ gốc, lãi và phí theo thỏa thuận trong trường hợp Ngân Hàng phải thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng bằng nguồn tiền của Ngân Hàng hoặc đề nghị ngân hàng khác thanh toán thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng;

“Issuance of Letter of Credit” means the Bank extends a credit facility to the Borrower through issuance of a Letter of Credit to a beneficiary at the Borrower’s request. The Borrower must accept the debt and fully pay the principal, interest and fees as agreed in case the Bank must make payment to the beneficiary using its own funds or request another bank to make payment on behalf of the Borrower;

- 1.20. “**Xác Nhận Thư Tín Dụng**” là việc Ngân Hàng (với tư cách là ngân hàng xác nhận) theo đề nghị của ngân hàng phát hành cam kết thanh toán cho bên thụ hưởng trên cơ sở nhận được bộ chứng từ xuất trình phù hợp, ngoài cam kết của ngân hàng phát hành;

“Confirmation of Letter of Credit” means the Bank (as the confirming bank), upon the request of the issuing bank, undertakes to pay to the beneficiary based on the received set of documents that meets the requirements of a complying presentation, in addition to the issuing bank’s commitment;

- 1.21. “**Hoàn Trả Thư Tín Dụng**” là việc Ngân Hàng (với tư cách là ngân hàng hoàn trả) thỏa thuận với ngân hàng phát hành về việc thanh toán bằng nguồn tiền của mình cho bên thụ hưởng hoặc là việc Ngân Hàng theo đề nghị của ngân hàng phát hành cam kết với bên thụ hưởng về việc thanh toán cho bên thụ hưởng, ngoài cam kết của ngân hàng phát hành. Nhằm làm rõ, Hoàn Trả Thư Tín Dụng theo Hợp Đồng này là trường hợp Hoàn Trả Thư Tín Dụng theo hình thức phát hành cam kết hoàn trả;

“Reimbursement of Letter of Credit” means the Bank (as the reimbursing bank) agrees with an issuing bank to make payment using its own funds to the beneficiary, or the Bank undertakes to pay the beneficiary upon the request of the issuing bank, in addition to the issuing bank’s commitments. For clarification, Reimbursement of Letter of Credit under this Agreement is in the form of issuing a reimburse commitment;

- 1.22. “**Bảo Lãnh Ngân Hàng**” có nghĩa là hình thức cấp tín dụng cho Bên Được Cấp Tín Dụng thông qua việc Ngân Hàng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên có nghĩa vụ khi bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; Bên Được Cấp Tín Dụng phải nhận nợ bắt buộc và hoàn trả cho Ngân Hàng theo thỏa thuận;

“Bank Guarantee” means a form of credit facility provided to the Borrower through the Bank’s commitment to the beneficiary to perform financial obligations on behalf of the

Obligor when the Obligor fails to perform or fully perform the committed obligations; the Borrower must accept the compulsory debts and reimburse the Bank as agreed;

- 1.23. “**Thư Bảo Lãnh**” có nghĩa là cam kết của Ngân Hàng với bên nhận bảo lãnh về việc Ngân Hàng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng khi Bên Được Cấp Tín Dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh;

“Letter of Guarantee” means a commitment by the Bank to the beneficiary that the Bank will perform financial obligations on behalf of the Borrower when the Borrower fails to perform or fully perform the obligations to which it has committed with the beneficiary;

- 1.24. “**Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh**” có nghĩa là thỏa thuận giữa Ngân Hàng với Bên Được Cấp Tín Dụng và các bên có liên quan (nếu có) về việc Ngân Hàng đồng ý cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng một hạn mức bảo lãnh theo nghiệp vụ Bảo Lãnh Ngân Hàng;

“Agreement on Guarantee Issuance” means an agreement between the Bank and the Borrower and relevant parties (if any) regarding the Bank’s agreement to provide the Borrower with a guarantee limit under the form of a Bank Guarantee;

- 1.25. “**Thỏa Thuận Thương Mại Chung**” có nghĩa là thỏa thuận giữa Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng, quy định các điều khoản và điều kiện liên quan đến việc cấp tín dụng và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này;

“General Commercial Agreement” means an agreement between the Bank and the Borrower, stipulating the terms and conditions regarding the granting of credit facilities and constituting an integral part of this Agreement;

- 1.26. “**Đơn Xin Cấp Thư Tín Dụng Không Hủy Ngang**” có nghĩa là văn bản yêu cầu của Bên Được Cấp Tín Dụng gửi Ngân Hàng đề nghị phát hành một Thư Tín Dụng Không Hủy Ngang, đảm bảo thanh toán cho bên thụ hưởng theo các điều kiện và điều khoản đã thỏa thuận;

“Application for an Irrevocable Letter of Credit” means a document submitted by the Borrower to the Bank to request the issuance of an Irrevocable Letter of Credit, ensuring payment to the beneficiary as per the agreed terms and conditions;

- 1.27. “**Thư Thông Báo Hạn Mức Tín Dụng**” có nghĩa là văn bản do Ngân Hàng gửi đến Bên Được Cấp Tín Dụng để thông báo về hạn mức tín dụng được phê duyệt, bao gồm các điều khoản và điều kiện sử dụng hạn mức tín dụng.

“Facility Letter” means a document sent by the Bank to the Borrower to notify about the approved facility limit, including the terms and conditions for using the facility limit.

2. **KHOẢN CẤP TÍN DỤNG/ THE FACILITIES**

2.1. **Hạn Mức Cấp Tín Dụng/ Facility Limit**

- 2.1.1. Tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, Ngân Hàng đồng ý cấp Hạn Mức Cấp Tín Dụng đối với Khoản Cấp Tín Dụng cho Bên Được Cấp Tín Dụng số tiền tối đa là [] VND (bằng chữ:), hoặc một khoản tiền tương đương bằng Đồng Tiền Tùy Chọn theo thư Thông Báo Hạn Mức Tín Dụng

số..... (“Thư Thông Báo Hạn Mức Tín Dụng”) tùy thuộc vào khả năng có sẵn vốn của Ngân Hàng và toàn quyền quyết định cao nhất của Ngân Hàng trong việc (i) rút lại (các) Khoản Cấp Tín Dụng tại bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do nào trong thời hạn của Hạn Mức Cấp Tín Dụng; và (ii) yêu cầu Bên Được Cấp Tín Dụng phải hoàn trả ngay Khoản Cấp Tín Dụng khi có yêu cầu.

Subject to the terms and conditions of this Agreement, the Bank will apply a Facility Limit to the Facilities issued to the Borrower of up to the aggregate of VND [_____] (in words: _____) or an equivalent amount in Optional Currency according to Facility Letter No..... (“Facility Letter”), subject to the Bank’s availability of funds and the Bank’s overriding right to (i) withdraw the Facilities at any time and for any reason within the Term of the Facility Limit; and (ii) require the full repayment of Facilities from the Borrower on demand.

2.1.2. Hạn Mức Cấp Tín Dụng đối với từng loại hình của Khoản Cấp Tín Dụng/ Facility Limit applicable to each Facility form

- (a) Hạn mức Cho Vay: số tiền gốc tối đa Ngân Hàng cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng là [_____]VND (bằng chữ: _____) hoặc một khoản tiền tương đương bằng Đồng Tiền Tùy Chọn.

Limit for Loan: the maximum principal amount that the Bank provides to the Borrower in the form of Loan is VND[_____] (in words: _____) or an equivalent amount in Optional Currency.

- (b) Hạn mức Bảo Lãnh Ngân Hàng: số tiền gốc tối đa Ngân Hàng cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng là [_____]VND (bằng chữ: _____) hoặc một khoản tiền tương đương bằng Đồng Tiền Tùy Chọn theo loại hình Bảo Lãnh Ngân Hàng.

Limit for Bank Guarantee: the maximum principal amount that the Bank provides to the Borrower in the form of a Bank Guarantee is VND[_____] (in words: _____) or an equivalent amount in Optional Currency.

- (c) Hạn mức Thư Tín Dụng: số tiền gốc tối đa Ngân Hàng cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng là [_____]VND (bằng chữ: _____) hoặc một khoản tiền tương đương bằng Đồng Tiền Tùy Chọn theo Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng.

Limit for Letter of Credit: the maximum principal amount that the Bank provides to the Borrower under the Letter of Credit Operation is VND[_____] (in words: _____) or an equivalent amount in Optional Currency.

Trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng chưa sử dụng hết bất kỳ hạn mức nào nêu trên thì Ngân Hàng, với toàn quyền tự quyết, có thể xem xét nâng một hoặc các hạn mức còn lại với điều kiện tổng giá trị của các hạn mức quy định từ Điều 2.1.2 này không vượt quá Hạn Mức Cấp Tín Dụng chung được quy định tại Điều 2.1.1 của Hợp Đồng này.

In case the Borrower does not utilize any of the limits mentioned above, the Bank, at its sole discretion, may consider increasing one or more of the remaining limits, provided that the total value of the limits stipulated in Article 2.1.2 does not exceed the general Facility Limit stipulated in Article 2.1.1 of this Agreement.

- 2.1.3. Ngân Hàng có toàn quyền chủ động xem xét xác định lại Hạn Mức Cấp Tín Dụng (bao gồm cả Hạn Mức Cấp Tín Dụng chung và/hoặc Hạn Mức Cấp Tín Dụng đối với từng loại hình của Khoản Cấp Tín Dụng) và Thời Hạn Của Hạn Mức Cấp Tín Dụng tùy thuộc vào khả năng của Ngân Hàng và tình hình thanh toán nợ, tình hình kinh doanh của Bên Được Cấp Tín Dụng vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng. Khi xác định lại Hạn Mức Cấp Tín Dụng và Thời Hạn Của Hạn Mức Cấp Tín Dụng, Ngân Hàng sẽ thông báo trước cho Bên Được Cấp Tín Dụng bằng văn bản.

The Bank is fully entitled to review and redefine the Facility Limit (including both the overall Facility Limit and/or the specific limits for each type of Facility) and the Term of the Facility Limit, depending on its capability and the debt repayment status, business performance of the Borrower at any time during the term of this Agreement. The Bank will provide prior written notice to the Borrower with respect to any redefinition of the Facility Limit and the Term of the Facility Limit.

2.2. **Thời Hạn Của Hạn Mức Cấp Tín Dụng/ Term of the Facility Limit**

Thời hạn của Hạn Mức Cấp Tín Dụng là [___] tháng kể từ Ngày Giải Ngân lần đầu tiên, phụ thuộc vào các gia hạn thêm, nếu có, ("**Thời Hạn Của Hạn Mức Cấp Tín Dụng**"). Ngày Giải Ngân tiếp theo Ngày Giải Ngân đầu tiên và Ngày Hoàn Trả phải nằm trong Thời Hạn Của Hạn Mức Cấp Tín Dụng.

*The term of the Facility Limit is _____months from the First Disbursement Date, subject to any further extension (if any) (the "**Term of the Facility Limit**"). The next Disbursement Date followed the first Disbursement Date, and the Repayment Date must be prior to the expiry date of the Term of the Facility Limit.*

2.3. **Khoản Tiền Ứng/ Advance**

Ngân Hàng có quyền (nhưng không là nghĩa vụ bắt buộc trong bất kỳ tình huống, điều kiện nào khác) cấp và giải ngân một Khoản Tiền Ứng cụ thể cho Bên Được Cấp Tín Dụng khi và chỉ khi các điều kiện tiên quyết chung sau đây được đáp ứng đầy đủ theo nội dung và hình thức đáp ứng yêu cầu của Ngân Hàng:

The Bank is entitled (but in any case, is not obliged) to make available and disburse any Advance to the Borrower, subject to the fulfillment of the following conditions precedent, in form and substance acceptable to the Bank:

- 2.3.1. Ngân Hàng đã nhận được Thư Thông Báo Hạn Mức Tín Dụng và Hợp Đồng này đã được ký kết hợp lệ và một Yêu Cầu Ứng Vốn của Bên Được Cấp Tín Dụng theo đúng biểu mẫu do Ngân Hàng phát hành được điền đầy đủ thông tin yêu cầu;

The Bank will have received Facility Letter and this Agreement with duly execution and a fully completed and due Loan Disbursement Request from the Borrower in the form issued by the Bank;

- 2.3.2. Không có Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Tài Liệu Cấp Vốn đã xảy ra và đang tiếp diễn hoặc có nguy cơ phát sinh từ một Khoản Tiền Ứng đã được giải ngân trước đó và khoản giải ngân dự kiến;

No Event of Default in accordance with the Facility Documents occurs and is continuing or would result from any of the preceding Advances and the proposed Advance;

- 2.3.3. Không có Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể nào xảy ra đối với Các Bên Có Nghĩa Vụ vào thời điểm Bên Được Cấp Tín Dụng gửi Yêu Cầu Ứng Vốn đến Ngân Hàng;

No Material Adverse Effect occurs to the Obligors at the time the Loan Disbursement Request will have been submitted to the Bank;

- 2.3.4. Ngân Hàng đã nhận được nghị quyết/quyết định của đại hội đồng cổ đông/hội đồng quản trị/hội đồng thành viên/chủ tịch công ty/Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc/các chức danh quản lý khác đã được ủy quyền hợp lệ, đã được ký kết hợp lệ của Bên Được Cấp Tín Dụng chấp thuận Khoản Cấp Tín Dụng và đề nghị giải ngân Khoản Tiền Ứng (nghị quyết/quyết định phải theo mẫu do Ngân Hàng ban hành hoặc đáp ứng đầy đủ các nội dung theo mẫu do Ngân Hàng yêu cầu);

The Bank will have received the duly executed resolution/decision of the general meeting of shareholders/the board of management/members' council/chairman/General Director or Director/other management titles who have been duly authorized of the Borrower approving the Facility and the propose for disbursement of the Advance (such resolutions/decisions must be in the form issued by the Bank or satisfactory to the Bank or containing all content required by the Bank);

- 2.3.5. Ngân Hàng đã nhận được nghị quyết/quyết định/văn bản tương đương của đại hội đồng cổ đông/hội đồng quản trị/hội đồng thành viên/chủ tịch công ty/người đại diện theo pháp luật đã được ký kết hợp lệ của Bên Được Cấp Tín Dụng (i) thể hiện việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc hoặc người có thẩm quyền của Bên Được Cấp Tín Dụng ký và thực hiện Tài Liệu Cấp Vốn nào khác có liên quan; và (ii) có hình thức và nội dung khác đáp ứng yêu cầu của Ngân Hàng;

The Bank has received the duly executed resolution/decision/equivalent documents of the general meeting of shareholders/board of management/members' council/chairman of the Borrower/legal representative (i) which reflects the delegation of authority to the General Director, Director or authorized person of the Borrower to sign and execute the Facility Documents; and (ii) with contents and under the form that meet the Bank's requirements;

- 2.3.6. Hợp Đồng Bảo Đảm đã được ký kết hợp lệ và tất cả các tài liệu sở hữu liên quan đến các tài sản bảo đảm được chứng nhận của cơ quan công chứng hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật, đăng ký tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo

đảm có thẩm quyền và bàn giao đầy đủ cho Ngân Hàng (trong trường hợp Ngân Hàng có yêu cầu phải có tài sản bảo đảm);

The Security Agreement has been duly executed and all title documents in respect of the security assets have been certified by notary offices or other competent authorities in accordance with the law, registered with the appropriate security registration authorities, and fully delivered to the Bank (if security assets are required by the Bank);

- 2.3.7. Bên Được Cấp Tín Dụng đã cung cấp cho Ngân Hàng bất kỳ tài liệu và bằng chứng khác mà Ngân Hàng yêu cầu để phục vụ cho việc xem xét và giải ngân Khoản Tiền Úng;

The Borrower will have provided to the Bank any such other documents and evidence as the Bank may require for the purpose of its consideration and disbursement of the Advance;

- 2.3.8. Thỏa Thuận Thương Mại Chung theo mẫu do Ngân Hàng ban hành đã được Bên Được Cấp Tín Dụng ký kết và xác nhận hợp lệ; và

General Commercial Agreement in the form issued by the Bank will have been duly executed and confirmed by the Borrower; and

- 2.3.9. Toàn bộ mọi khẳng định và đảm bảo được nêu tại Điều 8 và cam kết được nêu tại Điều 9 của Hợp Đồng này là đúng sự thật và chính xác trên mọi phương diện.

All representations and warranties as set out in Article 8 and commitments as set out in Article 9 of this Agreement are true and accurate in all material aspects.

Tùy thuộc vào nghiệp vụ cấp tín dụng cụ thể được áp dụng đối với Bên Được Cấp Tín Dụng, Bên Được Cấp Tín Dụng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng được quy định trong Tài Liệu Cấp Vốn này và pháp luật Việt Nam.

Depending on the specific form of the credit facility applicable to the Borrower, the Borrower must meet the respective conditions stated in the Facility Documents and the laws of Vietnam.

Bất kể các điều khoản trong Hợp Đồng này, Bên Được Cấp Tín Dụng phải ký kết các tài liệu bổ sung cần thiết khác khi Ngân Hàng hoặc pháp luật Việt Nam có yêu cầu.

Notwithstanding the provisions in this Agreement, the Borrower must execute any other necessary documents as required by the Bank or under Vietnamese laws.

2.4. Thời Hạn Cấp Tín Dụng / Facility Term

- 2.4.1. Thời hạn Cho Vay (“**Thời Hạn Cho Vay**”)

Loan Term (“Loan Term”)

- (a) Thời Hạn Cho Vay là khoảng thời gian được tính từ Ngày Giải Ngân cho đến hết ngày liền kề trước Ngày Hoàn Trả. Trường hợp Ngày Hoàn Trả không phải là Ngày Làm Việc, thì chuyển sang Ngày Làm Việc ngay tiếp theo. Đối với Thời Hạn Cho Vay không đủ một (01) ngày thì được tính là một (01) ngày, kể

cả trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng thanh toán nợ vay ngay trong Ngày Giải Ngân.

Thời Hạn Cho Vay theo quy định tại Điều này cũng được áp dụng trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng sử dụng các Khoản Cho Vay Bắt Buộc.

Loan term refers to a period of time commencing as from the Disbursement Date and ending on the day prior to the Repayment Date. Where the Repayment Date is not a Business Day, the next Business Day will be taken as the Repayment Day. If a Loan Term is not a full day, such Loan Term will be calculated as one (01) day, including where the Borrower repays the debt in the same day with the Disbursement Date.

The Loan Term stipulated in this Article shall also apply in the event that the Borrower uses the Compulsory Loans.

- (b) Thời gian ân hạn Khoản Tiền Ứng là: [] tháng, kể từ ngày Bên Được Cấp Tín Dụng rút Khoản Cấp Tín Dụng lần đầu căn cứ theo Yêu Cầu Ứng Vốn.

The grace period of the Advance is: [] month, from the date in which the Borrower make the first drawdown of the Facility, in accordance with the Loan Disbursement Request.

- (c) Thời gian ân hạn nợ lãi là: [] tháng, kể từ ngày Bên Được Cấp Tín Dụng rút Khoản Cấp Tín Dụng lần đầu căn cứ theo Yêu Cầu Ứng Vốn.

The grace period of the interest payment is: [] month, from the date in which the Borrower make the first drawdown of the Facility, in accordance with the Loan Disbursement Request.

- (d) Thời gian ân hạn Khoản Tiền Ứng/lãi là thời gian Bên Được Cấp Tín Dụng chưa thực hiện trả Khoản Tiền Ứng/lãi. Sau khi hết thời gian ân hạn, Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ trả đầy đủ Khoản Tiền Ứng/lãi theo lịch trả nợ cụ thể được quy định tại Hợp Đồng này và các Yêu Cầu Ứng Vốn. Các Bên có thể thỏa thuận việc cơ cấu lại Thời Hạn Cho Vay theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng theo nguyên tắc sau:

The grace period of the Advance/interest payment is the period of time in which the Borrower shall not perform the obligation of payment principal/interest of the advances. After the grace period, the Borrower shall perform the payment obligation in accordance with the payment schedule set out at this Agreement and Loan Disbursement Request. The grace period, payment schedule shall be adjusted and amended by both parties based on the following principles:

- (i) Điều chỉnh Giai Đoạn Tính Lãi được quy định tại Điều 4.2 Hợp Đồng này và/hoặc kỳ hạn hoàn trả Khoản Tiền Ứng theo Điều 5.1 của Hợp Đồng này (“**Kỳ Hạn Hoàn Trả Gốc**”) là việc Ngân Hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ Khoản Tiền Ứng và/hoặc Tiền Lãi của Giai Đoạn Tính Lãi và/hoặc Kỳ Hạn

Hoàn Trả Gốc đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số Giai Đoạn Tính Lãi và/hoặc Kỳ Hạn Hoàn Trả Gốc đã thỏa thuận), Thời Hạn Cho Vay không thay đổi;

Adjust the Interest Period as prescribed in Article 4.2 of this Agreement and or the Repayment Period of Advance as prescribed in Article 5.1 of this Agreement refers to the circumstances in which the Bank accepts to extend the repayment period for a part of or full of the Advance and/or interest amount of the Interest Period and/or the Repayment Period of Advance in accordance with the agreement (including circumstances in which the number of Interest Period and/or the Repayment Period of Advance are not changed), the Loan Term is not changed.

- (ii) Gia hạn Thời Hạn Cho Vay là việc Ngân Hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả Khoản Tiền Ứng và/hoặc Tiền Lãi, vượt quá Thời Hạn Cho Vay đã thỏa thuận;

Extend the Loan Term refers to the circumstances in which the Bank accepts to extend the repayment period of the Advance and/or the Interest over the Loan Term set out in the Agreement.

- (iii) Việc cơ cấu lại Thời Hạn Cho Vay được thực hiện trước hoặc trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đến Giai Đoạn Tính Lãi và/hoặc Kỳ Hạn Hoàn Trả Gốc và/hoặc Thời Hạn Cho Vay đã thỏa thuận tại Hợp Đồng, tùy theo nội dung điều chỉnh tương ứng tại điểm (a) và (b) nêu trên.

Restructure the Loan Term shall be performed prior to or at ten (10) days before the maturity date of Interest Period, Repayment Period of Advance and/or Loan Term as set out in the Agreement as prescribed item (a) and (b) above.

- 2.4.2. Thời hạn Bảo Lãnh Ngân Hàng: được thực hiện theo thỏa thuận tại Thư Bảo Lãnh và/hoặc Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh và quy định của pháp luật.

The Bank Guarantee term: implemented in accordance with the agreement in the Letter of Guarantee and/or Agreement on Guarantee Issuance and the applicable laws.

- 2.4.3. Thời hạn cấp tín dụng đối với Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng:

The facility term for Letter of Credit Operation:

- (a) Đối với Phát Hành Thư Tín Dụng: khoảng thời gian được xác định từ ngày tiếp theo ngày Phát Hành Thư Tín Dụng cho đến ngày đến hạn thanh toán Thư Tín Dụng nhưng không vượt quá thời hạn hoạt động hợp pháp còn lại của Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng.

With respect to the Issuance of Letter of Credit: a period of time beginning from the day following the date of Issuance of Letter of Credit to its due date, but it cannot exceed the remaining duration of the lawful operation of the Bank and the Borrower.

Trong trường hợp Phát Hành Thư Tín Dụng để nhập khẩu vật liệu, nhiên liệu hoặc hàng tiêu dùng, thời hạn trả chậm không được vượt quá [____].

In the case of issuance of Letters of Credit for import of material, fuel or consumer goods, the term of deferred payment cannot exceed [____].

- (b) Đối với Xác Nhận Thư Tín Dụng: khoảng thời gian được xác định từ ngày tiếp theo ngày Xác Nhận Thư Tín Dụng cho đến ngày đến hạn thanh toán Thư Tín Dụng nhưng không vượt quá thời hạn hoạt động còn lại của Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng.

With respect to the Confirmation of Letter of Credit: a period of time beginning from the day following the date of Confirmation of Letter of Credit to the Letter of Credit due date but must not exceed the remaining duration of lawful operation of the Bank and the Borrower.

- (c) Đối với Hoàn Trả Thư Tín Dụng: khoảng thời gian được xác định từ ngày tiếp theo ngày phát hành cam kết hoàn trả Thư Tín Dụng cho đến ngày đến hạn thanh toán Thư Tín Dụng nhưng không vượt quá thời hạn hoạt động hợp pháp còn lại của Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng.

With respect to Reimbursement of Letter of Credit: a period of time beginning from the day following the issuance date of the reimbursement commitment for the Letter of Credit to its due date, but it cannot exceed the remaining duration of the lawful operation of the Bank and the Borrower.

2.5. Mục đích/ Purposes

Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ sử dụng Khoản Cấp Tín Dụng theo đúng mục đích đã cam kết, phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam, các Tài Liệu Cấp Vốn và các quy định tại Hợp Đồng này và của pháp luật liên quan (nếu có).

The Borrower shall use the Facility for the committed purposes in accordance with the laws of Vietnam, the Facility Documents and the terms of this Agreement and any related regulations (if any).

2.6. Giải Ngân/ Disbursement

- 2.6.1. Trường hợp giải ngân một lần: Hạn Mức Cấp Tín Dụng được giải ngân trong thời hạn tối đa [____] ngày (hoặc ____ tháng) kể từ ngày ký Hợp Đồng này.

In case of one time disbursement: The Facility Limit shall be draw downed within the limit period of [] days (or [] months) from the signing date of this Agreement.

- 2.6.2. Trường hợp giải ngân nhiều lần: /Multiple disbursement

Hạn Mức Cấp Tín Dụng được giải ngân nhiều lần trong thời hạn tối đa [____] ngày (hoặc ____ tháng) kể từ ngày ký Hợp Đồng này hoặc theo tiến độ được Ngân Hàng chấp thuận bằng văn bản. Quá thời hạn trên, nếu Bên Được Cấp Tín Dụng không nhận hết số tiền vay thì không được tiếp tục nhận phần tiền còn lại, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.

The Facility Limit is disbursed multiple times within a maximum period of [____] days (or ____ months) from the signing date of this Agreement or according to the written schedule set out by the Bank. Over the disbursement period, if the Borrower does not make drawdown in full amount, the remaining amount shall not be disbursed unless otherwise agreed by both parties.

- (a) Việc giải ngân Khoản Cấp Tín Dụng lần đầu tiên phải được thực hiện trong thời hạn tối đa [____] ngày (hoặc ____ tháng) kể từ ngày ký Hợp Đồng này. Quá thời hạn này, nếu Bên Được Cấp Tín Dụng không rút bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào thì Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ không được nhận toàn bộ số tiền theo Hạn Mức Cấp Tín Dụng, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.

The first disbursement of the Facility shall be made within the maximum period of [____] days (or ____ months) from the signing date of this Agreement. Beyond this time limit, if the Borrower does not withdraw any Advance, the total amounts of Facility Limit shall be expired and not withdrawn, unless otherwise agreed by both Parties.

- (b) Mỗi lần nhận Khoản Tiền Ứng, Bên Được Cấp Tín Dụng phải ký Yêu Cầu Ứng Vốn, kèm theo các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng Khoản Cấp Tín Dụng phù hợp với Điều 3.1 Hợp Đồng này. Tổng các Khoản Tiền Ứng là tổng số tiền được ghi trên tất cả các Yêu Cầu Ứng Vốn và không vượt quá Hạn Mức Cấp Tín Dụng nêu tại Khoản 2.1 Điều này.

For each Advance, the Borrower shall submit the Loan Disbursement Request, together with supporting documents proving the purpose of using the credit in accordance with Article 3.1 of this Agreement. Total amounts of Advances is the total amount stated on all Loan Disbursement Request and does not exceed the Facility Limit set out at Article 2.1 of this Agreement.

- 2.6.3. Bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào theo Khoản Cấp Tín Dụng sẽ được Ngân Hàng giải ngân và/hoặc cấp khi và chỉ khi các điều kiện như sau được thực hiện đầy đủ:

Any Advance under the Facility will be made available by the Bank if and only if the following conditions have been fully satisfied:

- (a) chậm nhất là mười (10) giờ sáng hai (02) Ngày Làm Việc trước Ngày Giải Ngân dự kiến, Ngân Hàng đã nhận được Yêu Cầu Ứng Vốn và/hoặc các giấy đề nghị cung cấp dịch vụ tương ứng với từng loại hình của Khoản Cấp Tín Dụng (theo mẫu do Ngân Hàng ban hành) được Bên Được Cấp Tín Dụng ghi đầy đủ (theo đúng biểu mẫu do Ngân Hàng ban hành hoặc đáp ứng đầy đủ các nội dung theo mẫu do Ngân Hàng ban hành/yêu cầu) và ký hợp lệ; và

no later than ten (10:00) a.m. of the date being two (02) Business Days prior to the proposed Disbursement Date, the Bank will have received the respective Loan Disbursement Request and/or respective request for services provisions applicable to each form of the Facility duly completed and executed by the Borrower (in accordance with the form issued by the Bank or meeting all content requirements as prescribed/required by the Bank); and

- (b) vào hoặc trước Ngày Giải Ngân dự kiến, mọi điều kiện tiên quyết được quy định tại Điều 2.3 của Hợp Đồng này đã được Bên Được Cấp Tín Dụng thực hiện đầy đủ theo đúng nội dung và hình thức đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Ngân Hàng, trừ khi được Ngân Hàng từ bỏ yêu cầu đó bằng văn bản.

on or before the proposed Disbursement Date, all conditions precedent set out in Article 2.3 of this Agreement will have been satisfied by the Borrower in form and substance satisfactory to the Bank, unless waived by the Bank in writing.

- 2.6.4. Phương tiện thanh toán để giải ngân: [Dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để giải ngân Khoản Tiền Ứng vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng hoặc Bên Được Cấp Tín Dụng tùy từng trường hợp].

Payment methods for disbursement: [Non-cash payment methods to disburse the Advance to the account of the beneficiary or the Borrower as the case may be].

3. CÁC LOẠI HÌNH CỦA KHOẢN CẤP TÍN DỤNG/FACILITIES FORMS

3.1. Khoản Vay Trung Dài Hạn/ *medium-term and long-term loans*

- 3.1.1. Ngân Hàng sẽ cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng (các) khoản vay trung dài hạn bằng:

The Bank shall make available medium-term and long-term loans for the Borrower in:

- (a) Đồng Việt Nam với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh có liên quan hợp pháp và/hoặc hoạt động xuất, nhập khẩu và/hoặc bổ sung vốn lưu động của Bên Được Cấp Tín Dụng và/hoặc hoạt động khác của Bên Được Cấp Tín Dụng; hoặc

Vietnamese Dong for the purposes of lawful business operations and/or import and export activities and/or for increase to the working capital of the Borrower and/or other activities of the Borrower; or

- (b) bằng Đồng Tiền Tùy Chọn với mục đích được phép theo quy định của pháp luật.

in Optional Currency for permissible purposes in accordance with the laws.

- 3.1.2. Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng được Ngân Hàng đồng ý cho vay bằng ngoại tệ (nếu có), Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết thực hiện các thủ tục cần thiết và tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam theo từng thời điểm.

Đồng tiền được Ngân Hàng giải ngân và Bên Được Cấp Tín Dụng thanh toán nợ sẽ thực hiện theo quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành tùy từng thời điểm.

In case, the Borrower is lent by the Bank in foreign currency (if any), the Borrower undertakes to complete the requested procedures and complies with laws and regulation from time to times.

The currency applicable to the disbursement by the Bank and the repayment by the Borrower will be in accordance with the regulations issued by the State Bank of Vietnam from time to time.

- 3.1.3. Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này, Ngân Hàng sẽ thực hiện nghiệp vụ cấp tín dụng theo loại hình Cho Vay theo đề nghị của Bên Được Cấp Tín Dụng với điều kiện là Bên Được Cấp Tín Dụng phải cung cấp cho Ngân Hàng các tài liệu sau đây đã được Bên Được Cấp Tín Dụng ký kết hợp lệ và ghi đầy đủ theo hình thức và nội dung do Ngân Hàng yêu cầu:

During the term of this Agreement, the Bank will provide a credit facility in the form of a Loan at the Borrower's request, provided that the Borrower must submit the following documents to the Bank, all of which are duly executed and completed by the Borrower in the form and substance required by the Bank:

- (a) Yêu Cầu Ứng Vốn hoặc các văn bản tương tự;
Loan Disbursement Request or equivalent documents;
- (b) Thỏa Thuận Thương Mại Chung của Ngân Hàng;
The Bank's General Commercial Agreement;
- (c) Hợp Đồng Bảo Đảm đã được ký kết hợp lệ và tất cả các tài liệu sở hữu liên quan đến các tài sản bảo đảm được giao đầy đủ cho Ngân Hàng hoặc ký quỹ để bảo đảm cho yêu cầu Cho Vay; và
A duly executed Security Agreement, and all ownership documents related to security assets have been fully delivered to the Bank or placed in escrow to secure the Loan request; and
- (d) Các thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh khác theo Tài Liệu Cấp Vốn hoặc theo yêu cầu của Ngân Hàng.
Other information, documents and data as required by the Facility Documents or as the Bank may require.

- 3.1.4. Đồng tiền được Ngân Hàng giải ngân và Bên Được Cấp Tín Dụng thanh toán nợ sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

The currency used for disbursement by the Bank and repayment by the Borrower will be determined in accordance with the laws of Vietnam.

3.2. Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng/Letter of Credit Operation

- 3.2.1. Ngân Hàng sẽ cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng các Khoản Cấp Tín Dụng bằng VND hoặc bằng Đồng Tiền Tùy Chọn phù hợp với đồng tiền phải thanh toán cho bên thụ hưởng tại hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ hoặc tại Thư Tín Dụng thông qua Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng theo Hợp Đồng này, nhưng không được vượt quá giá trị hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa Bên Được Cấp Tín Dụng và bên thụ hưởng hoặc giá trị Thư Tín Dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo tập quán thương mại quốc tế (nếu có áp dụng).

The Bank will make available to the Borrower Facilities in VND or an equivalent amount in Optional Currency in conformity with the currency used in payment for the beneficiary as stated in the sale of goods, services supply contracts, or in the Letter of Credit through the Letter of Credit Operation under this Agreement. However, this amount cannot exceed the value of the sale of goods or services supply contracts between the Borrower and beneficiary, or the value of the Letter of Credit in accordance with the laws of Vietnam and international trade customs (if applicable).

- 3.2.2. Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này, Ngân Hàng sẽ cung cấp Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng cho Bên Được Cấp Tín Dụng theo đề nghị của Bên Được Cấp Tín Dụng với điều kiện là:

During the term of this Agreement, the Bank will provide the Letters of Credit Operation for the account of the Borrower at the Borrower's request provided that:

- (a) Bên Được Cấp Tín Dụng phải cung cấp cho Ngân Hàng các tài liệu sau đây đã được Bên Được Cấp Tín Dụng ký kết hợp lệ và ghi đầy đủ theo hình thức và nội dung do Ngân Hàng yêu cầu:

The Borrower must provide to the Bank the following documents duly executed and completed by the Borrower in the form and substance required by the Bank:

- (i) Đơn Xin Cấp Thư Tín Dụng Không Hủy Ngang hoặc các văn bản tương tự;

Application for an Irrevocable Letter of Credit or equivalent documents;

- (ii) Thỏa Thuận Thương Mại Chung của Ngân Hàng;

The Bank's General Commercial Agreement;

- (iii) Hợp Đồng Bảo Đảm đã được ký kết hợp lệ và tất cả các tài liệu sở hữu liên quan đến các tài sản bảo đảm được giao đầy đủ cho Ngân Hàng hoặc ký quỹ để bảo đảm cho yêu cầu thực hiện Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng (nếu được yêu cầu); và

A duly executed Security Agreement, and all ownership documents related to security assets have been fully delivered to the Bank or placed in escrow to secure the request for Letter of Credit Operation (if required); and

- (iv) Các thông tin, tài liệu, dữ liệu khác mà Ngân Hàng yêu cầu hoặc theo Tài Liệu Cấp Vốn;

Such other information, documents or data as the Bank may require or as required by the Facility Documents;

- (b) Mỗi Thư Tín Dụng phải có ngày đến hạn thanh toán và/hoặc ngày hết hạn chậm nhất là [____] kể từ ngày được phát hành;

Each Letter of Credit shall have a maturity date and/or expiry date of no later than [____] from the date of issuance;

- (c) Việc Ngân Hàng thực hiện Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng sẽ được thực hiện theo vào Hợp Đồng này, Thỏa Thuận Thương Mại Chung của Ngân Hàng, Đơn Xin Cấp Thư Tín Dụng Không Hủy Ngang và/hoặc các văn bản đề nghị tương tự, quy định của pháp luật Việt Nam về Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng và cấp tín dụng. Các nội dung khác về Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng sẽ thực hiện theo tập quán thương mại quốc tế về thư tín dụng (nếu có áp dụng);

The Letters of Credit Operation of the Bank will be performed in accordance with this Agreement, the General Commercial Agreement of the Bank, Application for Irrevocable Letter of Credit and/or equivalent application, the laws of Vietnam regarding the Letter of Credit Operation and credit facilities. Other provisions regarding the Letter of Credit Operation shall be implemented in accordance with the international trade customs for letter of credit (if applicable);

- (d) Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ chuyển tiền thanh toán đối với mỗi Thư Tín Dụng do Bên Được Cấp Tín Dụng đề nghị theo thông báo mà Ngân Hàng gửi cho Bên Được Cấp Tín Dụng theo quy định của pháp luật và Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng tương ứng. Trường hợp hết thời hạn nêu trong thư thông báo mà Bên Được Cấp Tín Dụng không thực hiện chuyển đủ tiền thanh toán cho Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng thì có thể được xem là một trong các trường hợp của Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Ngân Hàng có quyền thực hiện tự động trích bất kỳ tài khoản nào của Bên Được Cấp Tín Dụng mở tại Ngân Hàng để thực hiện thanh toán và/hoặc Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ nhận khoản cho vay bắt buộc theo quy định tại Hợp Đồng này đối với các khoản thanh toán liên quan đến Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng mà Ngân Hàng đã thực hiện thanh toán thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng (“**Khoản Cho Vay Bắt Buộc**”).

The Borrower is liable to make the transfer the payment for each Letter of Credit issued in accordance with its request as from the date the Bank notifies the Borrower of its full receipt of the documents relating to the Letter of Credit in accordance with the laws and the respective Letter of Credit Operation. Upon the expiry of the term stated in the notification, if the Borrower fails to fully transfer the full payment for the relevant Letter of Credit, it shall be classified as an Event of Default as set forth in this Agreement and/or the Bank is then entitled to automatically debit any accounts of the Borrower held with

the Bank in order to fulfill the payment, and/or the Borrower is liable for a compulsory loan in accordance with this Agreement, for any payments relating to the Letter of Credit Operation which the Bank has made on behalf of the Borrower (“Compulsory Loan”).

3.2.3. Bên Được Cấp Tín Dụng, Ngân Hàng đồng ý các cam kết sau:

The Borrower and the Bank agree to the following commitments:

- (a) Trường hợp Thư Tín Dụng trả ngay, Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết chuyển đủ số tiền thanh toán Thư Tín Dụng và các khoản phí, chi phí khác phát sinh vào tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng nếu Thư Tín Dụng thanh toán bằng vốn tự có hoặc hoàn thành mọi thủ tục nhận nợ vay để thanh toán Thư Tín Dụng nếu Thư Tín Dụng thanh toán bằng vốn vay theo đúng thời hạn do Ngân Hàng quy định và thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

In case of a sight Letter of Credit, the Borrower commits to fully transfer the payment for the Letter of Credit and any other incurred fees, expenses to the Borrower’s account at the Bank if the Letter of Credit is paid with equity capital, or to complete all procedures for receiving loans to pay for the Letter of Credit if it is paid with loan capital, within the time prescribed by the Bank and notified to the Borrower.

- (b) Trường hợp Thư Tín Dụng trả chậm, Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết sẽ hoàn thành mọi thủ tục theo quy định của Ngân Hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán Thư Tín Dụng theo đúng thời hạn do Ngân Hàng thông báo. Đồng thời, Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết chuyển đủ tiền thanh toán Thư Tín Dụng và các khoản phí, chi phí khác phát sinh vào tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng nếu Thư Tín Dụng được thanh toán bằng vốn tự có hoặc hoàn thành mọi thủ tục nhận nợ vay để thanh toán Thư Tín Dụng nếu Thư Tín Dụng được thanh toán bằng vốn vay vào ngày đến hạn thanh toán trên thông báo của Ngân Hàng.

In case of a deferred Letter of Credit, the Borrower commits to fully complete the procedures as stipulated by the Bank to ensure the payment obligation of the Letter of Credit is fulfilled within the period specified by the Bank. Simultaneously, the Borrower commits to transfer sufficient funds to pay for the Letter of Credit and any other incurred fees, expenses and expenses into the Borrower’s account at the Bank, if the Letter of Credit is paid with equity capital, or to complete all procedures for receiving a loan to pay for the Letter of Credit if it is paid with loan capital by the due date specified in the Bank’s notification.

- (c) Trường hợp bộ chứng từ theo quy định Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng được xuất trình không hợp lệ theo nhận định của Ngân Hàng, Ngân Hàng có quyền từ chối thanh toán. Trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng có văn bản yêu cầu Ngân Hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán Bộ chứng từ không hợp

lệ đó, Bên Được Cấp Tín Dụng đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết tại Hợp Đồng này.

In case the documents presented under the Letter of Credit Operation are deemed invalid by the Bank, the Bank has the right to refuse payment. In case the Borrower submits a written request for the Bank to make or accept payment of those invalid documents, the Borrower ensures to perform correctly and fully all commitments under this Agreement.

- (d) Trong trường hợp Thư Tín Dụng cho phép đòi tiền bằng điện, ngay khi Ngân Hàng thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng về việc Ngân Hàng đã nhận được điện đòi tiền từ ngân hàng nước ngoài, Bên Được Cấp Tín Dụng có trách nhiệm, trong thời hạn do Ngân Hàng quy định, chuyển đủ số tiền để thanh toán Thư Tín Dụng vào tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng nếu Thư Tín Dụng thanh toán bằng vốn tự có hoặc hoàn thành mọi thủ tục nhận nợ vay để thanh toán Thư Tín Dụng nếu Thư Tín Dụng thanh toán bằng vốn vay;

In the case of a Letter of Credit that allows for payment by telegraphic transfer, upon the Bank's notification to the Borrower that it has received a payment demand from the foreign bank, the Borrower is obligated, within the timeframe stipulated by the Bank, to transfer the full amount required to settle the Letter of Credit into the Borrower's account at the Bank if the Letter of Credit is settled using equity capital, or to complete all necessary procedures to obtain the loan required to settle the Letter of Credit if it is settled using loan capital;

- (e) Trường hợp được Ngân Hàng chấp thuận thanh toán Thư Tín Dụng bằng vốn vay, Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận với Ngân Hàng trong Tài Liệu Cấp Vốn và hoàn thành mọi thủ tục nhận nợ vay để thanh toán Thư Tín Dụng và các khoản phí, chi phí khác phát sinh theo đúng thời hạn do Ngân Hàng quy định và thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng. Nếu Bên Được Cấp Tín Dụng không có đủ điều kiện nhận nợ vay, Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết sẽ chuyển đủ tiền thanh toán Thư Tín Dụng bằng nguồn vốn tự có theo thời hạn nêu trên.

In the event that the Bank approves the payment of the Letter of Credit using loan capital, the Borrower commits to fully executing all agreements with the Bank as outlined in the Facility Documents and to complete all procedures necessary to obtain the loan to settle the Letter of Credit and any related fees or expenses within the timeframe specified and communicated by the Bank to the Borrower. If the Borrower is unable to meet the conditions required to obtain the loan, the Borrower commits to transferring the full payment amount for the Letter of Credit using their own funds within the aforementioned timeframe.

- (f) Trong trường hợp hủy Thư Tín Dụng, Bên Được Cấp Tín Dụng tuân thủ mọi thủ tục theo yêu cầu của Ngân Hàng trong việc lấy xác nhận hủy Thư Tín Dụng

và chỉ yêu cầu rút số tiền ký quỹ khi được tất cả các bên liên quan chấp nhận hủy Thư Tín Dụng.

In the case of cancellation of the Letter of Credit, the Borrower shall comply with all procedures as required by the Bank to obtain confirmation of the cancellation of the Letter of Credit and shall only request the withdrawal of the escrowed funds when the cancellation of the Letter of Credit is accepted by all relevant parties.

- (g) Ngoài ra, Bên Được Cấp Tín Dụng không từ bỏ trách nhiệm thanh toán Thư Tín Dụng trong mọi trường hợp và chịu mọi rủi ro phát sinh, kể cả trường hợp phát sinh rủi ro do nguyên nhân thất lạc chứng từ hoặc do nguyên nhân bất khả kháng hoặc do sự thay đổi của pháp luật, chính sách của Nhà nước. Miễn trách nhiệm cho Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết chịu các rủi ro, thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh trong trường hợp việc thanh toán cho nước ngoài bị các cơ quan, tổ chức, nước ngoài có thẩm quyền và/hoặc bất kỳ quốc gia nào tịch thu hoặc niêm phong hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch (do người hưởng lợi thuộc các nước bị cấm vận, tội phạm, rửa tiền, khủng bố, tài trợ khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, thuộc đối tượng bị áp dụng lệnh tòa án, cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài).

Additionally, the Borrower does not waive their responsibility for the payment of the Letter of Credit under any circumstances and bear all risks arising, including those due to the loss of documents, force majeure events, or changes in laws and state policies. The Bank is exempt from liability, and the Borrower agrees to bear all risks, financial losses, and incurred expenses if payments to foreign entities are confiscated, seized, or temporarily suspended by foreign authorities, organizations, or any country (due to beneficiaries being from sanctioned countries, involvement in crime, money laundering, terrorism, terrorist financing, the proliferation of weapons of mass destruction, or financing the proliferation of weapons of mass destruction, or being subject to orders from foreign courts or competent authorities).

- 3.2.4. Nếu có bất kỳ Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng nào chưa được thanh toán sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm thì Ngân Hàng có quyền, tùy thuộc vào toàn quyền quyết định của Ngân Hàng, thực hiện: (i) trích bất kỳ tài khoản nào của Bên Được Cấp Tín Dụng mở tại Ngân Hàng để thực hiện thanh toán; và/hoặc (ii) Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ nhận Khoản Cho Vay Bắt Buộc và có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân Hàng tổng số tiền bằng tổng Khoản Tiền Ứng của tất cả các Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng chưa được thanh toán và các khoản tiền lãi, phí, chi phí phát sinh liên quan đến các Khoản Tiền Ứng này theo quy định tại Hợp Đồng này và theo cam kết tại Giấy đề nghị phát hành Thư Tín Dụng đối với hình thức Cho Vay Bắt Buộc.

If any Letters of Credit Operation are outstanding upon the occurrence of an Event of Default, the Bank, as its own discretion, to decide to: (i) Debit any accounts of the

Borrower opened at the Bank to make the repayment; (ii) the Borrower shall owe the Compulsory Loan and be liable to immediately pay the Bank the aggregate amount equal to the total Advance of all outstanding Letters of Credit Operation and any interest and fees, expenses incurred relating to such Advance stipulated in this Agreement applicable to Compulsory Loan.

- 3.2.5. Nếu Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán trong thời hạn nhận nợ Khoản Cho Vay Bắt Buộc theo thông báo của Ngân Hàng (“**Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc**”), Ngân Hàng có toàn quyền xử lý thu hồi lô hàng và bộ chứng từ liên quan đến Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng đã thực hiện; đồng thời Ngân Hàng có toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm (nếu có) theo Hợp Đồng Bảo Đảm cho nghĩa vụ theo Hợp Đồng này. Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân Hàng phần chênh lệch trong trường hợp số tiền Ngân Hàng thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, chuyển nhượng bộ chứng từ liên quan đến Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng đã thực hiện hoặc từ việc bán lô hàng hoặc từ việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm cho nghĩa vụ theo Hợp Đồng này không đủ để thu hồi Khoản Cho Vay Bắt Buộc.

*If the Borrower does not repay within the term of the Compulsory Loan in accordance with the notice of the Bank (the “**Compulsory Loan Term**”), the Bank is fully entitled to realize the secured assets (if any) in accordance with the Security Agreement, and take possession of the goods and any documents relating to the performed Letter of Credit Operation. The Borrower is obliged to pay the Bank any difference if the amount generated by the Bank from the realization of the secured assets, the assignment of the documents relating to the performed Letter of Credit or the goods is not sufficient in order for the Bank to collect the Compulsory Loan.*

- 3.2.6. Trong bất kỳ trường hợp nào mà Bên Được Cấp Tín Dụng phát sinh Khoản Cho Vay Bắt Buộc theo Hợp Đồng này thì Ngân Hàng có toàn quyền quyết định chấm dứt việc tiếp tục giải ngân các Khoản Tiền Úng theo Hợp Đồng này; đồng thời có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với các Khoản Tiền Úng đã được giải ngân trước đó theo Hợp Đồng này.

In any case where the Borrower generates a Compulsory Loan under this Agreement, the Bank has the discretion to terminate the continuation of disbursement of the Amounts in accordance with this Agreement; and at the same time have the right to apply the early collection of debts to all Advances granted to the Borrower before the due date under this Agreement.

- 3.2.7. Các bên đồng ý nguyên tắc về đồng tiền cho Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng như sau:

Both parties agree on the principle of currency for the Letter of Credit Operation as follows:

- (a) Việc phát hành/xác nhận/hoàn trả Thư Tín Dụng bằng Đồng Việt Nam hoặc Đồng Tiền Tùy Chọn phù hợp với đồng tiền phải thanh toán cho bên thụ hưởng tại hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ/Thư Tín Dụng.

The issuance/confirmation/reimbursement of the Letter of Credit in Vietnamese Dong or Optional Currency shall be in conformity with the currency used in payment for the beneficiary as stated in the sale of goods, services supply contracts/the Letter of Credit.

- (b) Ngân Hàng (với vai trò là ngân hàng phát hành/xác nhận/ hoàn trả) sẽ thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng khi đến ngày đến hạn thanh toán Thư Tín Dụng theo đồng tiền thanh toán ghi trên Thư Tín Dụng.

The Bank (as the issuing, confirming, or reimbursing bank) shall make payment to the beneficiary on the maturity date of the Letter of Credit in the currency specified in the Letter of Credit.

- 3.2.8. Các bên đồng ý về nguồn tiền thanh toán hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ: Theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Both parties agree on the source of funds for the payment of sales of goods and services supply contracts: as agreed by the parties in accordance with the laws of Vietnam.

3.3. Bảo Lãnh Ngân Hàng/ Bank Guarantee

- 3.3.1. Ngân Hàng, toàn quyền quyết định trong mọi trường hợp, sẽ phát hành các cam kết bảo lãnh (bao gồm Thư Bảo Lãnh và Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh) theo quy định của pháp luật Việt Nam và tập quán thương mại quốc tế (nếu áp dụng). Nhằm làm rõ, Ngân Hàng không thực hiện Bảo Lãnh Ngân Hàng cho các mục đích không được phép theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm (ví dụ: cơ cấu lại các khoản nợ của chính Bên Được Cấp Tín Dụng; góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác và tăng quy mô vốn hoạt động).

The Bank, at its sole discretion in any circumstances, will issue various types of guarantees (including Letter of Guarantee and Agreement on Guarantee Issuance) in accordance with the laws of Vietnam and international trade customs (if applicable). For clarification, the Bank does not provide Bank Guarantees for the impermissible purposes of the Borrower (e.g., restructuring the Borrower's own debts; contributing capital, purchasing shares in other enterprises, and increasing operational capital scale).

- 3.3.2. Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng và các bên liên quan (nếu có) sẽ ký kết Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh để quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của các bên đối với nghiệp vụ Bảo Lãnh Ngân Hàng, tùy theo quyết định của Ngân Hàng.

The Bank, and the Borrower and related parties (if any) will enter into an Agreement on Guarantee Issuance in order for the stipulation of the parties' rights and obligations of the parties in the Bank Guarantee transaction, subject to the Bank's decision.

- 3.3.3. Trong mọi trường hợp, hạn mức Bảo Lãnh Ngân Hàng được thỏa thuận cụ thể tại các Thư Bảo Lãnh hoặc Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh không được vượt quá hạn mức Bảo

Lãnh Ngân Hàng quy định tại Điều 2.1(b) Hợp Đồng này và phải được phát hành hoặc ký kết trong Thời Hạn Của Hạn Mức Cấp Tín Dụng quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng này.

In any event, the Bank Guarantee limit agreed upon in the Letter of Guarantee or the Agreements on Guarantee Issuance will not exceed the guarantee limit stipulated in Article 2.1(b) of this Agreement and the Guarantee Letters must be issued or executed within the Term of the Facility Limit stipulated in Article 2.2 of this Agreement.

4. PHÍ VÀ TIỀN LÃI / FEES AND INTEREST

4.1. Phí liên quan đến Khoản Tín Dụng/ Fee associated to the Facilities

Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng tất cả các khoản phí liên quan đến Khoản Cấp Tín Dụng sẽ được Bên Được Cấp Tín Dụng thanh toán theo từng nghiệp vụ cấp tín dụng cụ thể mà Ngân Hàng cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng như sau:

The Borrower agrees that all interests, charges, commissions and fees in relation to the Facilities are to be paid by the Borrower according to each specific credit facility granted by the Bank, as follows:

- 4.1.1. Phí liên quan đến Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng sẽ được thanh toán theo thông báo/quy định do Ngân Hàng phát hành tại từng thời điểm và theo thỏa thuận trong nội dung đề nghị mở Thư Tín Dụng. Phí liên quan đến nghiệp vụ Thư Tín Dụng sẽ không được hoàn lại trong trường hợp Ngân Hàng đã phát hành Thư Tín Dụng;

Fees related to the Letter of Credit Operation will be paid as per the notices/policies issued by the Bank from time to time and as agreed in the request for Letter of Credit. Fees associated with the Letter of Credit Operation shall not be reimbursed if the Bank has issued the Letter of Credit;

- 4.1.2. Phí liên quan đến Cho Vay: (i) Phí trả nợ trước hạn trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng trả nợ trước hạn; (ii) Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng (nếu có); (iii) Phí cam kết rút vốn kể từ thời điểm thỏa thuận cho vay có hiệu lực đến ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các phí liên quan đến Cho Vay này sẽ được xác định theo biểu phí do Ngân Hàng phát hành tại từng thời điểm và/hoặc theo Thông Báo Về Cho Vay và/hoặc tại các Tài Liệu Cấp Vốn. Khoản phí này sẽ được thanh toán ngay lập tức ngay sau khi Ngân Hàng chấp thuận giải ngân hoặc ngay sau khi Bên Được Cấp Tín Dụng nộp hồ sơ yêu cầu các Khoản Cấp Tín Dụng hoặc theo Thông Báo Về Cho Vay và/hoặc tại các Tài Liệu Cấp Vốn và được Ngân Hàng thực hiện bằng cách ghi nợ tài khoản tương ứng của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng;

Loan related fees: (i) Prepayment fee applicable if the Borrower makes early repayment; (ii) Standby credit limit fee (if any); (iii) Commitment fee for drawdown from the effective date of the loan agreement to the first disbursement. These fees associated with the Loan will be determined in accordance will be paid as per the tariff provided by the Bank from time to time and/or the Lending Notification and/or the Facility Documents. Such fees will be paid immediately after the Bank accepts the disbursement or after the Borrower submit application for Facility or in accordance

with the Lending Notification and/or Facility Documents and will be charged by the Bank in the form of debit from the correspondent account of the Borrower opened with the Bank;

- 4.1.3. Phí liên quan đến Bảo Lãnh Ngân Hàng: phí bảo lãnh (không bao gồm thuế trị giá gia tăng) sẽ là [__]% trên số tiền được bảo lãnh. Phí Bảo Lãnh Ngân Hàng sẽ được thanh toán trước vào [ngày phát hành Thư Bảo Lãnh hoặc ký kết Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh] bằng cách ghi nợ tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng tại Ngân Hàng. Phí liên quan đến Bảo Lãnh Ngân Hàng sẽ không được hoàn trả trong trường hợp Ngân hàng đã phát hành Thư Bảo Lãnh hoặc ký kết Thỏa Thuận Cấp Bảo Lãnh;

Fees associated to the Bank Guarantee: the guarantee fee (exclusive of value-added tax) is at the rate of [__]%. on the amount being guaranteed. The guarantee fee shall be payable in advance on [the date of issuance of the Letter of Guarantee or the signing of the Agreement on Guarantee Issuance], by debiting the Borrower's account opened with the Bank. The fees related to the Bank Guarantee shall not be reimbursed if the Bank has issued the Letter of Guarantee or signed the Agreement on Guarantee Issuance;

- 4.1.4. Phí giao dịch đối với các giao dịch ngoại hối (nếu có) sẽ được thanh toán theo biểu phí do Ngân Hàng ấn định tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật Việt Nam

Transaction charges for foreign exchange transactions (if any) will be paid as per the tariff provided by the Bank from time to time in accordance with the laws of Vietnam;

- 4.1.5. Các loại phí khác: Các chi phí có liên quan đến hồ sơ (nếu có).

Other fees: Fees related to documentation (if any).

- 4.1.6. Ngoài ra, Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ thanh toán/bồi hoàn cho Ngân Hàng tất cả các chi phí, phí tổn và mọi phụ phí mà Ngân Hàng có thể phải chịu/ứng trước như phí tem chứng từ, phí đăng ký, phí chứng từ pháp lý và công chứng liên quan đến việc lập, ký, gia hạn, buộc thực thi và/hoặc thi hành Hợp Đồng này, hoặc trong việc cưỡng chế thi hành Tài Liệu Cấp Vốn. *Moreover, the Borrower will pay/reimburse the Bank for all fees and any additional charges that may be incurred or advanced by the Bank, such as correspondence fee, registration fee, legal documentation fee and notarization fees, related to the preparation, execution, and/or performance of this Agreement and the Facility Documents, or in enforcing the Facility Documents.*

- 4.1.7. Trong trường hợp tranh tụng, Bên Được Cấp Tín Dụng phải trả cho Ngân Hàng một khoản chi phí hợp lý, thực tế phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn chi phí cho việc thu nợ và chi phí tư vấn pháp luật.

In the event of litigation, the Borrower shall pay the Bank for reasonable and actual expenses incurred, including but not limited to debt related costs and legal consulting fees.

- 4.1.8. Trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán đúng hạn hoặc không thanh toán đầy đủ bất kỳ khoản phí và các chi phí phát sinh liên quan đến các Khoản

Cấp Tín Dụng thì phải chịu khoản phạt do vi phạm nghĩa vụ theo Tài Liệu Cấp Vốn với mức phí phạt là năm phần trăm (05%) áp dụng đối với toàn bộ số phí, chi phí chưa thanh toán. Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền phí, chi phí phát sinh liên quan và khoản phạt do vi phạm Hợp Đồng trong vòng [____] ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ngân Hàng.

In case the Borrower fails to repay in accordance with the schedule or fails to fully repay any fees and charges accrued in relation to the Facilities, the Borrower is liable to a penalty for breach of contractual obligation in accordance with the Facility Documents with a penalty rate of five percent (5%) of the total due fees and charges. The Borrower is liable to pay the entirety of any fees and charges accrued and any penalty amount thereof within ____ days as from the date of receiving the relevant written notice from the Bank.

4.2. Tiền Lãi/Interest

- 4.2.1. Lãi suất cấp tín dụng (“**Lãi Suất Cấp Tín Dụng**”) áp dụng cho mỗi Khoản Tiền Ứng là lãi suất được tính theo phần trăm trên năm (%/năm) (trên cơ sở một năm có ba trăm sáu mươi lăm (365) ngày), được xác định như sau:

*The interest rate (the “**Interest Rate**”) applicable to each Advance is in the form of a percentage per year (%/annual) (on the basis that each year shall have three hundred sixty-five (365) days) shall be determined as follows:*

- (a) Đối với Khoản Tiền Ứng được giải ngân bằng Đồng Tiền Tự Chọn: Lãi Suất Cấp Tín Dụng bằng [____]; và

With respect to any Advance disbursed in Optional Currency: The Interest Rate is equivalent to [____]; and

- (b) Đối với Khoản Tiền Ứng được giải ngân bằng Đồng Việt Nam: Lãi Suất Cấp Tín Dụng bằng [____].

With respect to any Advance disbursed in VND: The Interest Rate is [____] %.

Lãi Suất Cấp Tín Dụng cụ thể áp dụng đối với mỗi Khoản Tiền Ứng sẽ được Ngân Hàng xác định, và toàn quyền xác định trong mọi trường hợp, bằng một văn bản Thông Báo Về Cấp Tín Dụng (và/hoặc một văn bản có nội dung tương tự) và được phát hành ngay sau khi Yêu Cầu Ứng Vốn của Bên Được Cấp Tín Dụng đã được Ngân Hàng chấp nhận hoặc được phát hành ngay sau khi Khoản Tiền Ứng tương ứng được giải ngân.

The Interest Rate applicable to each Advance will be determined by the Bank in its discretion in any circumstance, in the form of a written Facility Notification (and/or an equivalent written document) issued immediately after the acceptance by the Bank of the Loan Disbursement of the Borrower or the disbursement of the relevant Advance.

- 4.2.2. Giai đoạn xác định lãi suất (“**Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất**”) sẽ bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Giải Ngân và kết thúc vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi. Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất tiếp theo đối với một Khoản Tiền Ứng sẽ bắt đầu ngay sau ngày hết hạn của Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất trước đó. Mỗi Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất sẽ tương ứng và áp dụng cho mỗi Khoản Tiền Ứng cụ thể được giải ngân.

*The interest rate determining period (the “**Interest Rate Determining Period**”) will be as from the Disbursement Date (inclusive) to the last date of the Interest Period. The subsequent Interest Rate Determining Period with respect to an Advance will commence immediately after the expiry of the preceding Interest Rate Determining Period. Each Interest Rate Determining Period will be correspondent and applicable to each Advance disbursed.*

Lãi Suất Cấp Tín Dụng sẽ được giữ cố định trong suốt mỗi một Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất.

The Interest Rate will not be subject to any change within each Interest Rate Determining Period.

- 4.2.3. Điều chỉnh Lãi Suất Cấp Tín Dụng/*Adjustment of the Interest Rate*

Lãi Suất Cấp Tín Dụng sẽ được điều chỉnh vào Ngày Làm Việc đầu tiên của mỗi Giai Đoạn Tính Lãi, và được Ngân Hàng xác định, và toàn quyền xác định trong mọi trường hợp, bằng một văn bản thông báo về điều chỉnh lãi suất (hoặc một văn bản có nội dung tương tự).

The Interest Rate will be adjusted on the first Business Day of each Interest Period by the Bank, in its discretion in any circumstance, in the form of a written notice on interest adjustment (or an equivalent written document).

- 4.2.4. **Giai Đoạn Tính Lãi/ Interest Period**

- (a) Mỗi giai đoạn tính tiền lãi cấp tín dụng (“**Giai Đoạn Tính Lãi**”) áp dụng đối với khoản tiền lãi trong hạn (“**Tiền Lãi**”) kéo dài [một tháng], [hai tháng], [ba tháng] và/hoặc được xác định cụ thể tại các Tài Liệu Cấp Vốn được ký kết giữa Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng. Mỗi Giai Đoạn Tính Lãi đối với mỗi Khoản Tiền Ứng sẽ bắt đầu vào ngày tiếp theo của ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi trước đó.

*Each period (“**Interest Period**”) for calculating the interest (“**Interest**”) shall be [one month], [two months], [three months] and/or determined in the Facility Documents entered into between the Bank and the Borrower. Each Interest Period applicable to each Advance will commence on the subsequent day of the last day of the preceding Interest Period.*

- (b) Giai Đoạn Tính Lãi đầu tiên của Khoản Tiền Ứng sẽ bắt đầu vào (và bao gồm) Ngày Giải Ngân của Khoản Tiền Ứng đó đến ngày [] của tháng đó hoặc ngày [] của tháng tiếp theo đối với các Khoản Tiền Ứng được giải ngân sau ngày [] của tháng đó hoặc ngày [] của tháng thứ hai (02) của Giai Đoạn

Tính Lãi hoặc ngày [] của tháng thứ ba (03) của Giai Đoạn Tính Lãi hoặc ngày khác được xác định tại Tài Liệu Cấp Vốn.

The first Interest Period of an Advance will commence on (and include) the Disbursement Date of such Advance to the [] day of the same month or the [] day of the subsequent month if the Advance is disbursed after the [] day of such month or the [] day of the second (02) month of the Interest Period or the [] day of the third (03) month of the Interest Period or another date determined by the Facility Documents.

- (c) Giai Đoạn Tính Lãi cuối cùng của Khoản Tiền Ứng sẽ được tính đến hết ngày liền kề trước ngày cuối cùng của Thời Hạn Cấp Tín Dụng.

The last Interest Period of an Advance will be calculated up until the prior day of the last day of the Loan Term.

- (d) Nếu Giai Đoạn Tính Lãi kéo dài chưa đủ một (01) ngày sẽ được tính là một (01) ngày, kể cả trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng trả toàn bộ nợ gốc cùng với Ngày Giải Ngân.

If the Interest Period is not one (01) day in full, it will be considered as one (1) day, even when the Borrower has fully repaid the principal outstanding on the Disbursement Date.

- (e) Nếu Giai Đoạn Tính Lãi kết thúc vào một ngày không phải là Ngày Làm Việc, thì Lãi Suất Cấp Tín Dụng áp dụng cho Giai Đoạn Tính Lãi tiếp theo là lãi suất được Ngân Hàng xác định tại thời điểm vào đầu ngày Ngày Làm Việc tiếp theo.

If an Interest Period would end on a day that is not a Business Day, the Interest Rate applicable to the next Interest Period shall be the interest rate determined by the Bank at the commencement of the next succeeding Business Day.

- (f) Trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng bị áp dụng hình thức Cho Vay Bắt Buộc thì Giai Đoạn Tính Lãi được xác định với khoảng thời gian theo Thông Báo Cho Vay Bắt Buộc do Ngân Hàng xác định, và toàn quyền xác định trong mọi trường hợp, và ban hành gửi cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

If the Borrower is subject to the Compulsory Loan, the Interest Period will be determined by the Bank, in its discretion in any circumstances, in the form of a Notice on Compulsory Loan issued to the Borrower.

- 4.2.5. Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ thanh toán Tiền Lãi cho mỗi Khoản Tiền Ứng vào Ngày Làm Việc cuối cùng của mỗi Giai Đoạn Tính Lãi liên quan ("**Ngày Thanh Toán Lãi**"). Nếu Ngày Thanh Toán Lãi không phải là Ngày Làm Việc thì Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo. Khi đó, Tiền Lãi vẫn được tính cho đến hết Ngày Thanh Toán Lãi được xác định vào Ngày Làm Việc tiếp theo.

*The Borrower shall pay Interest in arrears on each Advance on the last Business Day of each relevant Interest Period (the "**Interest Payment Date**"). If the Interest Payment*

Date is not a Business Day, the Interest Payment Date shall be the next succeeding Business Day. At that time, Interest shall still be calculated until the Interest Payment Date being the succeeding Business Day.

4.2.6. Công thức xác định Tiền Lãi/ Formula for calculating Interest

Tiền Lãi bằng Σ [[Khoản Tiền Ứng nhân (x) với Giai Đoạn Tính Lãi nhân (x) với Lãi Suất Được Cấp Tín Dụng] chia cho 365].

Interest will be Σ [[Advance multiplied by (x) the Interest Period multiplied by (x) Interest Rate] divided by 365].

- 4.2.7. Nếu vì bất kỳ lý do nào Ngân Hàng quyết định rằng không có đủ phương thức và không có phương thức nào công bằng để xác định chi phí vốn áp dụng cho bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào hoặc bất kỳ phần nào trong Khoản Tiền Ứng đó hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác có liên quan trong một Giai Đoạn Tính Lãi hoặc khoảng thời gian khác có liên quan, Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng (i) Ngân Hàng sẽ áp dụng một lãi suất thay thế do Ngân Hàng ấn định hợp lý liên quan đến các Khoản Tiền Ứng chưa được thanh toán; và (ii) Ngân Hàng có quyền không giải ngân thêm bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào.

If for any reason the Bank determines that adequate and fair means do not exist for ascertaining cost of funds applicable to any Advance or any part thereof or other relevant sum during an Interest Period or other relevant period, the Borrower agrees that (i) the Bank shall apply an alternative interest rate reasonably determined by the Bank in relation to the outstanding Advances and (ii) the Bank may cancel any further Advance.

- 4.2.8. Ngân Hàng có toàn quyền, nhưng không có nghĩa vụ, thay đổi các mức lãi suất (bao gồm nhưng không giới hạn Lãi Suất Cấp Tín Dụng, Lãi Suất Cấp Tín Dụng Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn, Lãi suất do chậm trả lãi), phí áp dụng đối với Bên Được Cấp Tín Dụng theo quy định tại Điều 4 này để nhằm bảo đảm việc Ngân Hàng tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam được ban hành/ thay đổi trong từng thời điểm. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào về lãi suất và phí, Ngân Hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

The Bank is fully entitled but is not obliged to adjust the interest rate and fees (including but not limited to Interest Rate, Delinquent Interest Rate, interest rate for late payment of interest) applicable to the Borrower in accordance with this Article 4 in order to ensure its compliance with the laws of Vietnam as issued and amended from time to time. Any adjustment to the interest and fee will be notified in writing to the Borrower.

5. HOÀN TRẢ TIỀN CẤP TÍN DỤNG GỐC VÀ TIỀN LÃI; TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN; CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ VÀ CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN/ PRINCIPAL OUTSTANDING

REPAYMENT AND INTEREST; PREPAYMENT; DEBT RESCHEDULING AND DELINQUENT DEBT

- 5.1. Mỗi Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc) (dù bằng VND hoặc Đồng Tiền Tùy Chọn) được Ngân Hàng giải ngân cho Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ được hoàn trả thành [_____] đợt bằng nhau liên tục mỗi [_____] (tháng/quý) bắt đầu từ tháng thứ [_____] kể từ Ngày Giải Ngân đầu tiên và phải được hoàn trả đầy đủ vào Ngày Hoàn Trả được quy định cụ thể tại các Tài Liệu Cấp Vốn.

Each Advance (principal outstanding) (whether in VND or Optional Currency) disbursed by the Bank under the Facility shall repaid on _____ times with equal amounts in consecutive _____ (month/quarter) beginning at the ____th month from the First Disbursement Date and must be fully repaid at the Repayment Date stipulated in the Facility Documents.

- 5.2. Nếu bất kỳ Ngày Hoàn Trả nào không rơi vào một Ngày Làm Việc, thì Ngày Hoàn Trả là Ngày Làm Việc tiếp theo. Khi đó, Tiền Lãi vẫn được tính cho đến hết Ngày Hoàn Trả được xác định vào Ngày Làm Việc tiếp theo.

If any of the Repayment Date is not a Business Day, the Repayment will be the next succeeding Business Day. At that time, Interest shall still be calculated until the Repayment Date being the succeeding Business Day.

- 5.3. Trong trường hợp Khoản Tiền Ứng và/hoặc Khoản Cho Vay Bắt Buộc và/hoặc bất kỳ khoản tiền cấp tín dụng gốc nào khác mà Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán theo Tài Liệu Cấp Vốn không được thanh toán đúng hạn và/hoặc không đầy đủ vào Ngày Hoàn Trả thì:

In the event of any Advance and/or any Compulsory Loan and/or any principal outstanding amount which the Borrower is liable to repay in accordance with the Facility Documents are not or not fully and/or punctually repaid on the Repayment Date:

- 5.3.1. Ngân Hàng sẽ chuyển toàn bộ Khoản Tiền Ứng sang nợ quá hạn; và

The Bank shall commence the delinquency procedures with respect to the entirety of the Advance; and

- 5.3.2. Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ thanh toán tất cả khoản tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn (“**Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn**”) phát sinh trong vòng [bảy (07) ngày] kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng. Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn được tính như sau:

*The Borrower is obliged to pay all Delinquent Interest (“**Delinquent Interest**”) incurred within [seven (07) days] from the receipt date of written request of the Bank. Delinquent Interest shall be determined as follows:*

Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn bằng [Khoản Tiền Ứng chưa được thanh toán nhân (x) với Lãi Suất Cấp Tín Dụng Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn nhân (x) với Thời Hạn Thanh Toán Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn]/365.

Delinquent Interest is [overdue Advance multiplied (x) by Delinquent Interest Rate multiplied (x) by Period for Payment of Delinquent Interest] divided by 365.

Trong đó: /In which:

- (a) **“Lãi Suất Cấp Tín Dụng Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn”** sẽ áp dụng cho tất cả các Khoản Tiền Ứng phải thanh toán nêu trên theo Tài Liệu Cấp Vốn với mức tối qua không vượt quá một trăm năm mươi phần trăm (150%) Lãi Suất Cấp Tín Dụng theo quy định tại Điều 4.2 của Hợp Đồng này hoặc một mức lãi suất khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam được xác định và áp dụng tại thời điểm Khoản Tiền Ứng chưa được thanh toán bị chuyển sang nợ quá hạn.

The “Delinquent Interest Rate” will be applicable to all Advances in accordance with the Facility Documents at the maximum rate not exceeding one hundred and fifty percent (150%) of the Interest Rate stipulated in Article 4.2 of this Agreement or another interest rate in accordance with the laws of Vietnam as applicable at the time the Advance is considered overdue.

- (b) **“Thời Hạn Thanh Toán Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn”** là thời hạn tính cho đến hết ngày mà vào ngày đó Bên Được Cấp Tín Dụng đã thanh toán toàn bộ và đầy đủ các Khoản Tiền Ứng chưa thanh toán và Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn.

The “Period for Payment of Delinquent Interest” will be calculated until the day on which the Borrower has fully repaid the unpaid Advance and Delinquent Interest.

- 5.4. Vào thời điểm hết ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi mà Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ Tiền Lãi thì Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán cho Ngân Hàng số tiền như sau:

At the end of the last date of the Interest Period, if the Borrower fails to pay or fully pay the Interest, the Borrower is liable to pay the Bank the followings:

Tiền lãi do chậm trả Tiền Lãi (**“Lãi Trên Dư Nợ Lãi Chậm Trả”**) bằng [Tiền Lãi chưa được thanh toán nhân (x) với Giai Đoạn Tính Lãi Trên Dư Nợ Lãi Chậm Trả nhân (x) với Lãi Suất Do Chậm Trả Lãi]/365.

Ovedue interest payment (“Overdue Interest Payment”) equivalent to [the overdue Interest multiplied (x) by Overdue Interest Period multiplied (x) by the interest rate applicable to overdue interest payment] divided by 365.

Trong đó:/ In which:

- (a) **“Lãi Suất Do Chậm Trả Lãi”** là lãi suất %/năm, bằng 10%/365 hoặc một mức lãi suất khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

The interest rate applicable to overdue interest payment is an interest rate of percentage per annum, equivalent to 10% divided by 365 or other interest rate in conformity with the Vietnamese laws.

- (b) **“Giai Đoạn Tính Lãi Trên Dư Nợ Lãi Chậm Trả”** được xác định vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi cho đến hết ngày liền kề mà vào ngày đó Bên Được Cấp

Tín Dụng đã thanh toán toàn bộ các khoản Tiền Lãi chưa thanh toán và Lãi Trên Dư Nợ Lãi Chậm Trả.

The “Overdue Interest Period” is determined from the last day of the Interest Period until the day immediately preceding the date on which the Borrower has fully repay the unpaid Interest and Overdue Interest Payment.

- 5.5. Ngân Hàng toàn quyền quyết định và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan để ra chấp thuận bằng văn bản, sau khi nhận được đề nghị của Bên Được Cấp Tín Dụng, về việc gia hạn bất kỳ thời hạn thanh toán cho bất kỳ khoản phải trả nào mà Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ phải trả theo Hợp Đồng này nào thêm một khoảng thời gian mà Ngân Hàng cho rằng là phù hợp, với điều kiện là Ngân Hàng đã nhận được đề nghị gia hạn như vậy bằng văn bản từ Bên Được Cấp Tín Dụng ít nhất một (01) tháng trước Ngày Hoàn Trả của Khoản Tiền Ứng được gia hạn.

The Bank may, in its absolute discretion and in accordance with the relevant legal provisions, agree in writing upon receipt of the request of the Borrower, to extend any Repayment Date for any amount which the Borrower is liable to pay as per this Agreement, for such period as they think fit, provided that the Bank shall have received a written request for such extension from the Borrower at least one (01) month before the relevant Repayment Date.

- 5.6. Phụ thuộc vào hình thức cấp tín dụng cụ thể, vào Ngày Hoàn Trả và/hoặc vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc ngày mà các khoản thanh toán khác (bao gồm nhưng không giới hạn, các loại phí, chi phí, tổn thất của Ngân Hàng theo quy định tại Tài Liệu Cấp Vốn) đến hạn thanh toán, Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý ủy quyền vô điều kiện không hủy ngang và chỉ thị cho Ngân Hàng tự động ghi nợ vào tài khoản bằng Đồng Việt Nam và/hoặc tài khoản bằng Đồng Tiền Tùy Chọn của Bên Được Cấp Tín Dụng mở tại Ngân Hàng tương ứng với đồng tiền cấp tín dụng để hoàn trả toàn bộ số tiền đến hạn đó hoặc Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ chuyển số tiền đến hạn đó cho Ngân Hàng trước mười hai giờ (12) giờ trưa (giờ Việt Nam) vào ngày mà số tiền đó đến hạn nếu được Ngân Hàng thông báo đồng ý.

Subject to the specific facility form, on the relevant Repayment Date, Interest Payment Date and/or the date of any other payments (including but not limited to, fees, expenses or damages incurred to the Banks in accordance with the Facility Documents) due from time to time hereunder, the Borrower hereby unconditionally authorizes and instructs the Bank to automatically debit from the Borrower's VND accounts and/or Optional Currency accounts with the Bank corresponding to the facility extension currency to repay the amount due or the Borrower shall remit the amount due to the Bank by twelve (12) a.m. (Vietnam time) on the date the amount is due if so notified by the Bank.

Nhằm làm rõ, Điều 5.6 này cũng được áp dụng trong trường hợp Ngân Hàng ghi nợ vào tài khoản bằng đồng tiền khác với đồng tiền cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Ngân Hàng cần bán Đồng Tiền Tùy Chọn ra VND hoặc ngược lại để thu hồi nợ hoặc vì mục đích nào khác theo Hợp Đồng này, Bên Được Cấp Tín Dụng theo đây đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang xác lập thỏa thuận giao dịch ngoại tệ với Ngân Hàng phù hợp với quy định của pháp luật với các nội dung như sau:

For clarification, this Article 5.6 is applicable when the Bank debits from the Borrower's accounts in a currency different from the credit facility currency in accordance with the laws. If the Bank needs to sell the Optional Currency into VND or vice versa to collect debt or other purposes pursuant to this Agreement, the Borrower hereby unconditionally and irrevocably agrees to enter into a foreign currency transaction agreement with the Bank in accordance with the laws with the following contents:

- (a) Các bên tham gia giao dịch là Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng;

The transaction parties are the Bank and the Borrower;

- (b) Ngày giao dịch và ngày thanh toán là ngày Ngân Hàng thực hiện ghi nợ vào tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng;

The transaction date and payment day are the dates on which the Bank debits from the Borrower's account;

- (c) Cặp đồng tiền giao dịch: đồng tiền cấp tín dụng và đồng tiền ghi nợ;

Transaction currency: credit facility currency and debiting currency;

- (d) Số lượng ngoại tệ: tương ứng với toàn bộ số tiền đến hạn mà Ngân Hàng ghi nợ vào tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng;

The foreign currency amount: corresponding to all due amounts which the Bank debits from the Borrower's account;

- (e) Tỷ giá được áp dụng là tỷ giá giữa cặp đồng tiền giao dịch vào ngày ghi nợ do Ngân Hàng quyết định theo quy định của pháp luật;

The applicable exchange rate is the exchange rate between the credit facility currency and debiting currency decided by the Bank in accordance with the laws;

- 5.7. Nếu không có đủ tiền trong tài khoản hoặc các tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc nếu số tiền mà Ngân Hàng nhận được từ Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc số tiền từ việc xử lý tài sản bảo đảm cho Khoản Cấp Tín Dụng không đủ để hoàn trả toàn bộ (các) số tiền đến hạn liên quan theo Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn vào bất kỳ ngày nào đến hạn phải thanh toán thì Ngân Hàng sẽ sử dụng từng phần tiền thanh toán để giải trừ các nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng theo Tài Liệu Cấp Vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

If there are insufficient funds in the Borrower's account or accounts or if the amount received by the Bank from the Borrower or from the realization of the assets secured for the Facility is insufficient to repay the relevant amount(s) due hereunder and/or in accordance with the Facility Documents in full on any date on which payment is due, the Bank shall apply the partial payment to discharge the obligations of the Borrower under the Facility Documents in the following order:

- 5.7.1. Đối với Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc) chưa bị chuyển sang nợ quá hạn:

With respect to any Advance (the principal outstanding) which has not yet been considered as delinquent debt:

- (a) thứ nhất, để thanh toán và cho việc thanh toán các phí tổn, chi phí, các khoản phạt do vi phạm Tài Liệu Cấp Vốn và các khoản phí liên quan các Khoản Cấp Tín Dụng (nếu có);
firstly, in or towards payment of cost, expenses and penalties due to breach of the Facility Documents and other relevant fees relating to the Facility (if any);
- (b) thứ hai, để thanh toán cho Lãi Trên Dư Nợ Lãi Chậm Trả Lãi (nếu có);
secondly, in or towards payment of Overdue Interest Payment (if any);
- (c) thứ ba để thanh toán cho Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn (nếu có);
thirdly, in or towards payment of Delinquent Interest (if any);
- (d) thứ tư, để thanh toán Tiền Lãi; và
fourthly, in or towards payment of Interest; and
- (e) thứ năm, để hoàn trả Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc).
fifthly, in or towards payment of Advance (principal amount).

5.7.2. Đối với Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc) bị chuyển sang nợ quá hạn:

With respect to Advance (principal outstanding) considered as overdue:

- (a) thứ nhất, để hoàn trả Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc) đã quá hạn;
firstly, in or towards payment of Advance (delinquent principal outstanding);
- (b) thứ hai, để thanh toán Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn;
secondly, in or towards payment of Delinquent Interest;
- (c) thứ ba, để thanh toán Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc) đến hạn (nếu có);
- (d) *thirdly, in or towards payment of due Advances (principal amount) (if any);*
thứ tư, để thanh toán cho Tiền Lãi trên Khoản Tiền Ứng mà đến hạn chưa trả;
fourthly, in or towards payment of unpaid Interest on Advances when due;
- (e) thứ năm, để thanh toán cho Lãi Trên Nợ Lãi Lãi Chậm Trả (nếu có).
fifthly, in or towards payment of Overdue Interest Payment (if any);
- (f) thứ sáu, để thanh toán Tiền Lãi (nếu có);
sixthly, in or towards payment of Interest (if any);
- (g) thứ bảy, cho việc thanh toán các phí tổn, chi phí, các khoản phạt do vi phạm Tài Liệu Cấp Vốn và các khoản Phí liên quan các Khoản Cấp Tín Dụng (nếu có).
seventhly, in or towards payment of costs, expenses and penalties due to breach of the Facility Documents and other relevant fees relating to the Facility (if any).

Ngân Hàng có toàn quyền tự quyết thay đổi trình tự sử dụng tiền thanh toán trên nếu Ngân Hàng cho rằng là phù hợp trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.

The Bank is fully entitled, in its discretion, to vary the order of application above as it sees appropriate in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam.

Đối với nợ gốc và lãi, Ngân Hàng thực hiện thu nợ theo thứ tự Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc) đã quá hạn, thu Lãi Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn, thu Khoản Tiền Ứng đến hạn, thu Tiền Lãi trên Khoản Tiền Ứng mà đến hạn chưa trả.

With respect to the principal outstanding and interest, the Bank shall collect debts according to this order: payment of overdue Advance (principal amount), Delinquent Interest, due Advance, and unpaid interest on Advance when due.

5.8. Trả nợ trước hạn/ Prepayment

Bên Được Cấp Tín Dụng có quyền trả một phần hoặc toàn bộ Khoản Tiền Ứng (tiền cấp tín dụng gốc) trước Ngày Hoàn Trả:

The Borrower will be entitled to partially or fully prepay the Advance (principal outstanding) prior to the Repayment Date:

- 5.8.1. Chỉ khi các khoản trả trước hạn được thực hiện vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi tương ứng và phải có văn bản thông báo trước ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc cho Ngân Hàng và phải được Ngân Hàng chấp thuận bằng văn bản;

Only when prepayments are made on the last day of the Interest Period and with not less than 05 (five) Business Days' prior written notice to the Bank and these prepayments must also be approved in writing by the Bank.

- 5.8.2. Trong trường hợp cho các Khoản Tiền Ứng được thanh toán trước hạn toàn bộ hoặc một phần không theo Điều 5.8 này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Ngân Hàng thì Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ phải trả một khoản tiền phí trả nợ trước hạn cho Ngân Hàng.

In the event that the Advance is partially or fully prepaid other than as set forth in Article 5.8 above without the prior written agreement of the Bank, the Borrower is required to pay to the Bank a prepayment fee.

Khoản phí trả nợ trước hạn được xác định như sau [___].

The early prepayment fee is as follows [_____].

- 5.9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:** Khoản Cấp Tín Dụng sẽ được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ (đối với Khoản Tiền Ứng và/hoặc các khoản Tiền Lãi) theo quy định của pháp luật Việt Nam, trên cơ sở đề nghị của Bên Được Cấp Tín Dụng, khả năng tài chính của Ngân Hàng và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng.

Debt Rescheduling: *The Facility (with respect to the Advance and/or the Interest) may be considered for rescheduling in accordance with the laws of Vietnam, the Borrower's request,*

the financial capability of the Bank and the assessment of the Borrower's capability to repay debt.

Bên Được Cấp Tín Dụng phải có văn bản thông báo về việc yêu cầu Ngân Hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ trước ít nhất mười lăm (15) Ngày Làm Việc cho Ngân Hàng kể từ ngày đến hạn trả Khoản Tiền Ứng (khoản cấp tín dụng gốc) và/hoặc các khoản Tiền Lãi đã thỏa thuận. Ngân Hàng có toàn quyền quyết định trong việc có chấp nhận yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng hay không.

The Borrower is required to notify the Bank in writing of the debt at least fifteen (15) Business Days as from the agreed date on which the Advance (principal amount) and/or interest repayment is due. The Bank has the right to decide whether or not to accept debt rescheduling request from the Borrower.

5.10. Nợ quá hạn/ Delinquent debt

5.10.1. Ngân Hàng sẽ chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5.3 của Hợp Đồng này và Bên Được Cấp Tín Dụng không được Ngân Hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Ngân Hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Được Cấp Tín Dụng về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo sẽ ít nhất bao gồm: (i) số dư nợ gốc bị quá hạn; (ii) thời điểm chuyển nợ quá hạn; và (iii) lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

The Bank shall perform delinquency procedures in accordance with the Article 5.3 of this Agreement and rescheduling is not accepted by the Bank. The Bank shall notify the Borrower in writing of such delinquency. That notification shall include at least the following contents: (i) outstanding amount of overdue principal; (ii) time of delinquency of such debt; and (iii) interest rate charged for that overdue principal outstanding.

5.10.2. Trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán đầy đủ, đúng hạn một phần hoặc toàn bộ Khoản Tiền Ứng và/hoặc Tiền Lãi theo thỏa thuận với Ngân Hàng thì Ngân Hàng sẽ thực hiện các biện pháp phân loại nợ đối với toàn bộ tất cả các khoản nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng phát sinh tại Ngân Hàng và cung cấp thông tin tín dụng của Bên Được Cấp Tín Dụng theo quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam. Bên Được Cấp Tín Dụng theo đây đồng ý rằng Ngân Hàng có thể tiến hành phân loại nợ vào bất kỳ thời điểm nào, dù có phải là Ngày Làm Việc hay không, theo quy định nội bộ của Ngân Hàng trên cơ sở tuân thủ quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.

In the event that the Borrower fails to timely and fully a part or the entirety of the Advance and/or Interest agreed upon with the Bank, the Bank is entitled to perform debt classification procedures with respect to all of the debts of the Borrower incurring with the Bank and provide the Borrower's credit information in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam. The Borrower hereby agrees that the Bank may perform debt classification procedures at any time as per the internal regulations of the Bank in compliance with the regulations of the State Bank of Vietnam.

6. NHÂN NỢ BẮT BUỘC/ DEBENTURES

- 6.1. Ngân Hàng, với toàn quyền quyết định, sẽ hạch toán ghi nợ vào tài khoản Cho Vay Bắt Buộc đối với số tiền đã trả thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng trong các trường hợp sau đây:

The Bank, in its discretion, shall debit from the Compulsory Loan account with respect to any amount it has paid on behalf of the Borrower, in the following circumstances:

- 6.1.1. Ngân Hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bên nhận bảo lãnh thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng trong trường hợp Ngân Hàng cấp tín dụng dưới hình thức Bảo Lãnh Ngân Hàng theo Điều 3.3 Hợp Đồng này.

The Bank performs the guarantee obligations toward the beneficiary on behalf of the Borrower in the event that the Bank provides facility in the form of Bank Guarantee in accordance with Article 3.3 of this Agreement.

- 6.1.2. Ngân Hàng thực hiện thanh toán Thư Tín Dụng mà Ngân Hàng đã phát hành cho người thụ hưởng thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc các trường hợp khác mà Ngân Hàng phải thanh toán thay Bên Được Cấp Tín Dụng trong trường hợp Ngân Hàng cấp tín dụng dưới Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng theo Điều 3.2 Hợp Đồng này.

Payment is paid to the beneficiary by the Bank on behalf of the Borrower with respect to the Letter of Credit issued by the Bank, or in case of the Bank must make a payment on behalf of the Borrower, in the event that the Bank provides facility in the form of Letter of Credit Operation in accordance with Article 3.2 of this Agreement.

- 6.1.3. Ngân Hàng thực hiện mua bảo hiểm thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng cho tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm bắt buộc phải mua bảo hiểm.

The Bank pays insurance premium on behalf of the Borrower with respect to the security assets in the event that the security assets are subject to compulsory insurance requirements.

- 6.1.4. Ngân Hàng chi trả các chi phí hợp lý, có bằng chứng rõ ràng về chi phí, để nhằm mục đích duy trì Khoản Cấp Tín Dụng và/hoặc bảo quản, bảo vệ tài sản bảo đảm cho Khoản Cấp Tín Dụng.

The Bank pays reasonable expenses with clear evidences thereof, in order to maintain the Facility and/or to protect and maintain the security assets relating to the Facility.

- 6.2. Chứng từ chứng minh việc Ngân Hàng đã thực hiện trả thay cho Bên Được Cấp Tín Dụng các khoản có liên quan theo Điều 6.1 nêu trên được xem như bằng chứng xác thực, và Ngân Hàng không có nghĩa vụ phải chứng minh, về việc Bên Được Cấp Tín Dụng nhận nợ đối với Ngân Hàng cho dù Bên Được Cấp Tín Dụng có ký kết các văn bản xác nhận nợ hay không.

Written evidence evidencing that the Bank has, on behalf of the Borrower, made the relevant payments stipulated in Article 6.1 above will be considered as confirmed evidence and the

Bank is not liable to provide evidence of the debenture of the Borrower towards the Bank, regardless the execution of the Borrower in the debenture documents.

- 6.3.** Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ hoàn trả ngay số tiền mà Ngân Hàng đã trả thay theo thông báo bằng văn bản của Ngân Hàng. Bên Được Cấp Tín Dụng đương nhiên nhận nợ Khoản Cho Vay Bắt Buộc, vô điều kiện đối với bất kỳ số tiền nào Ngân Hàng đã trả thay mà Bên Được Cấp Tín Dụng chưa hoàn trả lại.

The Borrower is liable to immediately repay any amount that the Bank has paid on its behalf in accordance with written notice from the Bank. The Borrower automatically and unconditionally owes the Compulsory Loan to the Bank with respect to any amount which the Bank has paid on its behalf but has not yet been repaid to the Bank.

- 6.4.** Trường hợp của Khoản Cho Vay Bắt Buộc, Ngân Hàng toàn quyền quyết định áp dụng các điều kiện nhận nợ Khoản Cho Vay Bắt Buộc dưới đây đối với Bên Được Cấp Tín Dụng:

In the case of Compulsory Loan, the Bank is fully entitled to apply the following conditions to the Borrower:

- 6.4.1.** Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc: theo quyết định của Ngân Hàng tùy từng thời điểm và được thông báo bằng văn bản cho Bên Được Cấp Tín Dụng. Thời điểm bắt đầu Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc đối với Khoản Cho Vay Bắt Buộc tương ứng là kể từ ngày mà Ngân Hàng thực hiện thanh toán thay Bên Được Cấp Tín Dụng;

The Compulsory Loan Term will be decided by the Bank from time to time and notified in writing to the Borrower. The relevant Compulsory Loan Term is as from the date the Bank has made payments on behalf of the Borrower;

- 6.4.2.** Kỳ hạn trả nợ (nếu có); và

The repayment term (if any); and

- 6.4.3.** Lãi suất Cho Vay Bắt Buộc: theo quy định tại Điều 5.3.2 của Hợp Đồng này.

The Compulsory Loan interest rate will be in accordance with Article 5.3.2 of this Agreement.

- 6.5.** Sau Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc quy định tại Điều 6.4.1, nếu Bên Được Cấp Tín Dụng không trả được các Khoản Tiền Ứng, các khoản tiền lãi phát sinh (bao gồm Tiền Lãi, Tiền Lãi Quá Hạn và Lãi Trên Dư Nợ Lãi Chậm Trả) của Khoản Cho Vay Bắt Buộc, phí và các chi phí phát sinh thì Ngân Hàng được toàn quyền thực hiện trích tiền từ tất cả các loại tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng do Ngân Hàng quản lý và thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ.

Subsequent to the Compulsory Loan Term stipulated in Article 6.4.1, if the Borrower fails to pay the Advance and the interest incurred from the Compulsory Loan (including Interest, Delinquent Interest and Overdue Interest Payment) and other associated expenses, the Bank

is fully entitled to withdraw from any accounts of the Borrower managed by the Bank and realise the security assets in order to collect the debt.

7. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM/ SECURITY

- 7.1.** Bên Được Cấp Tín Dụng, bằng Hợp Đồng này, cam kết cung cấp cho Ngân Hàng biện pháp bảo đảm cho các Khoản Tiền Ứng được thực hiện theo Hợp Đồng này dưới hình thức, nhưng không giới hạn, cầm cố hoặc thế chấp, ký quỹ các tài sản của mình và/hoặc Bên Bảo Lãnh (kể cả nhưng không giới hạn giá trị quyền sử dụng đất, bất động sản, động sản, các tài sản được hình thành sau khi mua lại và các tài sản hình thành trong tương lai) để ký kết Hợp Đồng Bảo Đảm và các thỏa thuận, tài liệu khác mà Ngân Hàng yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào liên quan đến việc ký kết, đăng ký và hoàn tất các tài liệu trên và tiến hành các bước tiếp theo mà Ngân Hàng cho là cần thiết để duy trì biện pháp bảo đảm được cung cấp bởi các tài liệu đó.

The Borrower hereby undertakes to provide the Bank with security for the Advances made pursuant to this Agreement by way of but not limited to the provision of a pledge or mortgage, escrow deposit of its and/or the Guarantor's assets (including but not limited to the value of land use right, immovable assets, movable assets, after-acquired assets and future assets) to execute the Security Agreements and other agreements, documents requested by the Bank at any time in connection with the execution, registration and perfection of the same and to take such further steps as are deemed necessary by the Bank to maintain the security thereby provided.

- 7.2.** Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ cung cấp thêm bất kỳ biện pháp bảo đảm bổ sung nào dưới hình thức đưa ra bảo lãnh do Bên Bảo Lãnh cấp cho Ngân Hàng và bảo lãnh đó sẽ được bảo đảm bằng thế chấp hoặc cầm cố bất kỳ tài sản nào khác của Bên Bảo Lãnh cho Ngân Hàng khi Ngân Hàng yêu cầu và tiến hành mọi hành động cần thiết để các biện pháp bảo đảm bổ sung đó có hiệu lực.

The Borrower shall provide any additional security by way of securing a guarantee issued by the Guarantor in favor of the Bank and such guarantee shall also be secured by a mortgage or pledge over any other assets of the Guarantor to the Bank when requested by the Bank and shall take all necessary actions as may be required to give effect to the same.

- 7.3.** Trong trường hợp Ngân Hàng xét thấy: (i) hoặc Bên Được Cấp Tín Dụng không còn đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ hiện hành của Ngân Hàng đối với các tài sản; hoặc (ii) giá trị tài sản bảo đảm bị giảm sút không bảo đảm tỷ lệ do Ngân Hàng quy định thì Ngân Hàng có quyền yêu cầu Bên Được Cấp Tín Dụng và/hoặc Bên Bảo Lãnh thay thế tài sản bảo đảm khác hoặc bổ sung tài sản bảo đảm ngay lập tức hoặc là Ngân Hàng có quyền chấm dứt việc giải ngân, thu hồi nợ trước hạn các Khoản Tiền Ứng và/hoặc các khoản tiền khác mà Bên Được Cấp Tín Dụng còn nợ Ngân Hàng.

In the event that the Bank determines that: (i) the Borrower no longer meets or insufficiently meets the current internal regulations of the Bank regarding the assets; or (ii) the value of the secured assets decreases, failing to maintain the ratio prescribed by the Bank, the Bank has the right to require the Borrower and/or the Guarantor to immediately replace or supplement the security assets, or the Bank has the right to terminate disbursement and to recover in advance the Advances and/or other amounts that the Borrower owes to the Bank.

- 7.4. Việc Bên Được Cấp Tín Dụng thực hiện đúng hạn và nghiêm túc các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này sẽ được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm được hình thành theo Hợp Đồng Bảo Đảm theo hình thức đáp ứng yêu cầu của Ngân Hàng.

The due and punctual performance by the Borrower of its obligations under this Agreement shall be secured by security created pursuant to the Security Agreements in the form satisfactory to the Bank's requirements.

- 7.5. Ngân Hàng có toàn quyền kiểm tra tài sản bảo đảm (bao gồm nhưng không giới hạn việc kiểm tra về: giá trị, số lượng, sự tồn tại và tình trạng của tài sản bảo đảm) định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, bất kỳ lúc nào mà Ngân Hàng thấy cần thiết theo quy định tại (các) Hợp Đồng Bảo Đảm.

The Bank has the right to inspect the secured assets (including but not limited to inspect of: value, quantity, existence and condition of the secured assets) periodically or spontaneously, or whenever the Bank deems necessary in accordance with the Security Agreement(s).

- 7.6. Ngoài việc bảo đảm theo Điều này, trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng có yêu cầu Ngân Hàng thực hiện Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng hoặc phát hành cam kết bảo lãnh:

Besides the security provided under this Article, in the event of the Borrower requests the Bank to conduct Letter of Credit Operation or issue guarantee commitments:

- 7.6.1. Trước khi Ngân Hàng mở Thư Tín Dụng/phát hành cam kết bảo lãnh, Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ ký quỹ số tiền bằng [] % giá trị Thư Tín Dụng/ cam kết bảo lãnh ("**Số Tiền Ký Quỹ**"). Số Tiền Ký Quỹ sẽ được nộp bằng tiền mặt và/hoặc chuyển khoản vào tài khoản ký quỹ của Ngân Hàng.

*Before the Bank issues a Letter of Credit/guarantee commitment, the Borrower is obligated to make an escrow deposit in the amount of []% of the value of the Letter of Credit/guarantee commitment ("**Security Deposit Amount**"). The Security Deposit Amount shall be paid in cash and/or via transfer into the Bank's escrow account.*

- 7.6.2. Ngân Hàng được toàn quyền sử dụng Số Tiền Ký Quỹ (mà không lệ thuộc vào bất cứ chỉ định/ xác nhận/ đồng ý/ ủy quyền nào của Bên Được Cấp Tín Dụng) để thanh toán Thư Tín Dụng/ cam kết bảo lãnh do Ngân Hàng đã phát hành trước đó cho Bên Được Cấp Tín Dụng, bao gồm nhưng không giới hạn: Ngân Hàng toàn quyền thực hiện giải tỏa, trích Số Tiền Ký Quỹ để thanh toán theo Thư Tín Dụng/ cam kết bảo lãnh, bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán bộ chứng từ, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác có liên quan.

The Bank is fully authorized to use the Security Deposit Amount (without being subject to any instruction/confirmation/authorization from the Borrower) to settle the Letter of Credit/guarantee commitment previously issued by the Bank for the Borrower. This includes, but is not limited to, the Bank's full authority to release and deduct the Security Deposit Amount to make payments under the Letter of Credit/guarantee

commitment, including but not limited to the payment of documents, fees, indemnities, and other related obligations.

- 7.7. Các Bên Có Nghĩa Vụ phải phối hợp với Ngân Hàng để xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm khi có căn cứ xử lý theo thỏa thuận tại Tài Liệu Cấp Vốn và/hoặc các thỏa thuận khác giữa Ngân Hàng và Các Bên Có Nghĩa Vụ và quy định pháp luật. Các Bên Có Nghĩa Vụ theo đây ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân Hàng được toàn quyền thực hiện mọi thủ tục cần thiết để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ theo quy định và thỏa thuận của các Bên mà không cần thêm sự chấp thuận hoặc ủy quyền nào từ Các Bên Có Nghĩa Vụ.

The Obligors must cooperate with the Bank to handle the security assets pursuant to the Security Agreement when there are grounds for realization of security assets as agreed in the Facility Documents and/or other agreements between the Bank and the Borrower and in accordance with the law. The Obligors hereby irrevocably and unconditionally authorize the Bank to carry out all necessary procedures to realize the security assets when such ground arise per the agreements, without further consent or authorization of the Obligors.

8. KHẲNG ĐỊNH VÀ ĐẢM BẢO CỦA BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG/ REPRESENTATIONS AND WARRANTIES OF THE BORROWER

Bên Được Cấp Tín Dụng bằng Hợp Đồng này khẳng định và đảm bảo rằng:

The Borrower hereby represents and warrants that:

- 8.1. Bên Được Cấp Tín Dụng được thành lập và hoạt động hợp pháp, có hiệu lực tồn tại và có tình hình hoạt động tốt theo pháp luật Việt Nam, có đầy đủ quyền hạn để sở hữu các tài sản của mình, thực hiện công việc kinh doanh và các hoạt động hiện đang tiến hành của mình;

It is a company duly organized, operating and validly existing and in good standing under the laws of Vietnam with power to own its assets, carry on its business and operations as they are now being conducted;

- 8.2. Bên Được Cấp Tín Dụng có đầy đủ quyền hạn và có thẩm quyền và quyền hợp pháp để ký kết và tham gia vào các giao dịch được quy định tại theo Tài Liệu Cấp Vốn và bất kỳ biện pháp bảo đảm nào đối với Khoản Cấp Tín Dụng mà Bên Được Cấp Tín Dụng là một bên tham gia; và đã tiến hành hoặc có được mọi hành động và phê chuẩn nội bộ cần thiết trong phạm vi công ty và các hành động và phê chuẩn cần thiết khác để được phép ký kết và thực hiện Tài Liệu Cấp Vốn và biện pháp bảo đảm đối với Khoản Cấp Tín Dụng;

It has full power, and has authority and legal right to enter into and engage in the transactions contemplated by the Facility Documents and any security for the Facilities to which it is a party, and has taken or obtained all necessary corporate actions and internal approvals, as well as other necessary authorization to execute and perform the Facility Documents and security for the Facilities;

- 8.3. Hợp Đồng này và (các) Hợp Đồng Bảo Đảm liên quan tạo thành và sẽ tạo thành trong thời gian tồn tại Khoản Cấp Tín Dụng và (các) Hợp Đồng Bảo Đảm, các nghĩa vụ có hiệu lực pháp lý, có tính ràng buộc và có tính bắt buộc thi hành đối với mỗi Bên Có Nghĩa Vụ hoặc Bên Được Cấp Tín Dụng tham gia ký các hợp đồng và văn bản thỏa thuận liên quan;

This Agreement and all related Security Agreement(s) constitute, and will constitute during the subsistence of the Facility and the Security Agreement(s) to constitute legal valid, binding and enforceable obligations of each Obligor or the Borrower who signs the respective contracts and agreements;

- 8.4. Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ đã xin được mọi sự cho phép của bất kỳ cơ quan nhà nước nào hay cơ quan khác hoặc của những bên sở hữu bất kỳ quyền lợi tài chính nào đối với hoặc của các bên cho vay của Bên Được Cấp Tín Dụng về việc ký kết, hiệu lực và việc thực hiện Hợp Đồng này cũng như tất cả các Hợp Đồng Bảo Đảm liên quan, mà sự cho phép đó được yêu cầu về mặt pháp lý hoặc cần thiết phải có và còn nguyên hiệu lực;

Each Obligor has obtained all authorizations from any governmental or other authority or from owners of any financial interest in or creditors of the Borrower for the execution, validity, and performance of this Agreement and all related Security Agreement, which are legally required or which would be prudent to obtain and remain in full force;

- 8.5. Không có kiện tụng, các thủ tục trọng tài hoặc xử lý vi phạm hành chính hoặc khiếu nại nào đang được tiến hành, chờ xử lý hoặc đang có nguy cơ chống lại mỗi Bên Có Nghĩa Vụ hoặc các tài sản hay doanh thu hay công ty liên kết hay bất kỳ công ty trực thuộc nào của Bên Có Nghĩa Vụ đó;

No litigation, arbitration or administrative violations proceedings or claims are currently taking place or pending or threatening against each Obligor or its assets or revenues or affiliates or any of its subsidiaries;

- 8.6. Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ không được vi phạm bất kỳ luật, quy chế, phán quyết, văn bản pháp quy, sự cho phép, thỏa thuận hoặc các nghĩa vụ nào được áp dụng cho Bên Có Nghĩa Vụ đó hoặc tài sản hay doanh thu của mình;

Each Obligor is not in violation of any laws, regulations, judgment, orders, authorizations, agreements or obligations applicable to it or its assets or revenue;

- 8.7. Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ phải bảo đảm rằng tại mọi thời điểm các khiếu nại của Ngân Hàng đối với Bên Được Cấp Tín Dụng theo Hợp Đồng này ít nhất được xếp ngang hàng với khiếu nại của tất cả các bên cho vay không được bảo đảm khác;

Each Obligor shall ensure that at all times the claims of the Bank against the Borrower under the Agreement rank at least pari passu with the claims of all its other unsecured creditors;

- 8.8. Tổng vốn đầu tư của Bên Được Cấp Tín Dụng kể cả các Khoản Cấp Tín Dụng và vốn pháp định/vốn điều lệ của Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ được duy trì phù hợp với các điều khoản trong giấy phép đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu áp dụng) hoặc các giấy phép có giá trị tương đương của Bên Được Cấp Tín Dụng và pháp luật Việt Nam;

The total investment capital of the Borrower, including the Facilities and its legal/charter capital will remain in accordance with the terms of the Borrower's investment license/investment registration certificate (if applicable) or equivalent licenses, and the laws of Vietnam;

- 8.9.** Việc thực thi các quyền và các nghĩa vụ của mỗi Bên Có Nghĩa Vụ theo Hợp Đồng này không và sẽ không:

The execution of the rights and obligations of each Obligor under this Agreement does not and will not:

- 8.9.1. mâu thuẫn với bất kỳ thỏa thuận hoặc văn kiện khác trong đó Bên Có Nghĩa Vụ đó là một bên tham gia và có tính ràng buộc Bên Có Nghĩa Vụ đó hoặc ràng buộc bất kỳ tài sản nào của Bên Có Nghĩa Vụ đó; hoặc

conflict with any agreement or other instrument to which it is a party and which is binding upon it or any of its assets; or

- 8.9.2. mâu thuẫn với điều lệ công ty, các hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác đầu tư của Bên Có Nghĩa Vụ đó, hoặc bất kỳ quy định hay quy chế đang áp dụng nào.

conflict with its charter, joint venture contract, business cooperation contract or any applicable rules and regulations.

- 8.10.** Việc ký kết Hợp Đồng này hoặc việc thực hiện hay tuân thủ bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này không vi phạm hoặc làm cho vi phạm bất cứ luật, nghị định, quy chế, pháp lệnh, thông tư hoặc văn bản pháp quy nào của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các cơ quan hay chính quyền địa phương của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, bất kỳ điều lệ, quy định nội bộ nào hoặc các văn kiện tương tự khác của mỗi Bên Có Nghĩa Vụ, và bất kỳ quy định nào trong bất kỳ hợp đồng tín dụng nào có tính ràng buộc mỗi Bên Có Nghĩa Vụ.

The execution or performance of this Agreement, or compliance with any of its terms, neither violates nor will violate any law, decree, regulation, ordinance, circular, or order of the Socialist Republic of Vietnam and its agencies, or its local government, no charter, by-laws or similar instruments of each Obligor and no provision of any loan agreements binding on each Obligor.

- 8.11.** Nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng trong việc hoàn trả các Khoản Cấp Tín Dụng và/hoặc thanh toán các khoản chi phí, bồi thường hoặc bất kỳ khoản nào khác cho Ngân Hàng là nghĩa vụ tuyệt đối và vô điều kiện trong mọi trường hợp, bất kể có tranh chấp giữa Bên Được Cấp Tín Dụng với Ngân Hàng hoặc tranh chấp giữa Bên Được Cấp Tín Dụng với bất kỳ bên nào khác hay không.

The obligations of the Borrower on making repayment of the Facilities and/or payment of any costs, indemnities and any other amounts to the Bank is absolute and unconditional in any event, regardless any disputes between the Borrower and the Bank or between the Borrower and any other parties.

- 8.12.** Bên Được Cấp Tín Dụng xác nhận rằng Bên Được Cấp Tín Dụng đã được Ngân Hàng cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp Đồng và các điều khoản, điều kiện liên quan đến giao dịch, việc cấp tín dụng.

The Borrower confirms that they have been fully informed by the Bank about the Agreement and the terms and conditions of the transaction and facility granting.

9. CAM KẾT/ COVENANTS

9.1. Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết và sẽ cam kết rằng mỗi Bên Có Nghĩa Vụ sẽ:

The Borrower will and shall procure that each Obligor will:

9.1.1. thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết trong Tài Liệu Cấp Vốn.

fully and accurately implements undertakings in the Facility Documents

9.1.2. tại từng thời điểm sẽ cung cấp, phối hợp cung cấp các thông tin, tài liệu, dữ liệu cho Ngân Hàng theo yêu cầu của Ngân Hàng, tùy từng trường hợp, bao gồm nhưng không giới hạn:

from time to time, provide and coordinate the provision of information, documents and data to the Bank as required by the Bank, as the case may be, including but not limited to:

(a) thông tin, tài liệu, dữ liệu chứng minh Bên Được Cấp Tín Dụng có (i) năng lực pháp luật dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; (ii) nhu cầu được cấp tín dụng để sử dụng, phục vụ vào mục đích/hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ hợp pháp hoặc nghĩa vụ được bảo lãnh là nghĩa vụ tài chính hợp pháp (trường hợp hình thức cấp tín dụng là Bảo Lãnh Ngân Hàng); (iii) phương án sử dụng vốn khả thi; (iv) khả năng tài chính để trả nợ/thanh toán hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ/thanh toán nghĩa vụ cam kết tại Thư Tín Dụng và (v) đủ điều kiện được cấp tín dụng theo quy định của Ngân Hàng và yêu cầu của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn: hồ sơ pháp lý của mỗi Bên Có Nghĩa Vụ, bất kỳ báo cáo tài chính, hồ sơ và sổ sách kế toán, thông tin tài chính khác, các tài liệu chứng minh mục đích và phương án sử dụng các Khoản Cấp Tín Dụng, các chứng từ/hợp đồng làm cơ sở để Ngân Hàng cấp các Khoản Cấp Tín Dụng;

information, documents, data proving that the Borrower has (i) full civil legal capacity in accordance with the laws; (ii) the legitimate demand for facilities to be used for, or to serve the purpose of/purchase and sale of goods and services legally, or for obligations guaranteed to be lawful financial obligations (in the case where the form of facilities granting is a Bank Guarantee); (iii) a feasible capital utilization plan; (iv) financial capacity to repay the debt/the sale of goods, services supply contract/make payment of undertaken obligations in the Letter of Credit and (v) eligibility for facilities granting in accordance with the Bank's regulations and the requirements of the State Bank of Vietnam (including but not limited to legal documents of each Obligor, any financial statements, accounting records, other financial information, any documents indicating the purposes and plan for use of the Facilities, and documents/agreements for the basis of Facilities granting by the Bank);

(b) thông tin về người có liên quan của Bên Được Cấp Tín Dụng theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng hiện hành (nếu được Ngân Hàng yêu cầu);

information of the related person of the Borrower as stipulated in the prevailing Law on Credit Institutions (if required by the Bank);

- (c) báo cáo về việc sử dụng vốn vay và cung cấp vốn vay được sử dụng đúng mục đích;

reports on loan capital utilization and granting proving that the loan capital was used for the intended purpose;

- (d) các thông tin, tài liệu, dữ liệu về biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có áp dụng biện pháp bảo đảm); và

information, documents, data regarding the application of loan security measures (if applicable); and

- (e) bất kỳ các tài liệu nào liên quan đến việc cấp Khoản Cấp Tín Dụng mà Ngân Hàng yêu cầu để Ngân Hàng thực hiện thẩm định và quyết định việc cấp tín dụng, kiểm tra, giám sát việc sử dụng tín dụng và trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc để xác định một Sự Kiện Vi Phạm/Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể đã xảy ra hay chưa.

any documents regarding the Facilities granting that the Bank requires for the purpose of assessing the application and making a decision to offer a facility, inspecting and supervising the use of borrowed fund and debt repayment of the Borrower or determining whether an Event of Default or Material Adverse Effect has occurred.

Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ cam kết tất cả các thông tin, tài liệu, dữ liệu cung cấp đều là sự thật, trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và chịu trách nhiệm đối với các thông tin, tài liệu, dữ liệu đã cung cấp cho Ngân Hàng;

Each Obligor undertakes that all the provided information, documents and data are true, honest and correct, complete and timely, and is liable for any information, documents and data provided to the Bank;

- 9.1.3. đảm bảo rằng các hồ sơ, tài liệu, dữ liệu cung cấp cho Ngân Hàng để chứng minh mục đích và phương án sử dụng các Khoản Cấp Tín Dụng đều là duy nhất. Nhằm làm rõ, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu duy nhất được hiểu là các hồ sơ, tài liệu, dữ liệu không bị trùng lặp cho bất kỳ lần giải ngân nào khác và không được sử dụng cho mục đích xin cấp tín dụng tại Ngân Hàng hoặc bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào khác.

ensure that the documents, and data provided to the Bank to substantiate the purpose and plan for using the Facilities are unique. For clarification, unique documents, and data mean that these documents, and data are not duplicated for any other disbursement and are not used for the purpose of applying for facility at the Bank or any other credit institution or foreign bank branch.

- 9.1.4. nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng về bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào hoặc bất kỳ kiện tụng, thủ tục trọng tài hoặc xử lý vi phạm hành chính nào đang được

tiến hành, chờ xử lý hoặc đang có nguy cơ chống lại hoặc có liên quan đến Bên Có Nghĩa Vụ đó;

promptly give written notice to the Bank of any Event of Default or any litigation, arbitration or administrative proceedings are being conducted, pending or potentially against or relating to the Obligor;

- 9.1.5. duy trì việc tồn tại công ty của Bên Có Nghĩa Vụ đó và tiến hành công việc kinh doanh theo cách thức phù hợp và hiệu quả và tuân thủ mọi luật, quy chế, sự cho phép, thỏa thuận và nghĩa vụ được áp dụng cho Bên Có Nghĩa Vụ đó, và thanh toán mọi khoản thuế được ấn định cho Các Bên Có Nghĩa Vụ khi đến hạn thanh toán;

maintain its corporate existence and conduct its business in a proper and efficient manner and in compliance with all laws, regulations, authorizations, agreements and obligations applicable to it and, pay all taxes imposed on the Obligor when due;

- 9.1.6. thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng về bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với điều lệ công ty hoặc các tài liệu thành lập khác của Bên Có Nghĩa Vụ đó mà có thể ảnh hưởng đến quyền của Ngân Hàng trong vòng mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày có sửa đổi hoặc bổ sung hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

notify the Bank in writing any amendment or supplement to the Obligor's charter or other corporate documents which may affect the Bank's right within fifteen (15) Business Days from the amendment or supplement date or upon the approval of the competent authority;

- 9.1.7. duy trì và giữ biện pháp bảo đảm và/hoặc các tài sản bảo đảm trong tình trạng tốt, thanh toán đầy đủ và đúng hạn mọi khoản tiền thuế, phí liên quan đến tài sản bảo đảm thuộc nghĩa vụ của Bên Có Nghĩa Vụ sở hữu tài sản;

maintain and keep security and/or security assets in good order, fully and punctually pay all duties and fees relating to the security assets payable by the Obligor possessing the assets;

- 9.1.8. phải tuân thủ việc thực thi biện pháp bảo đảm. Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm như được quy định tại Hợp Đồng này hoặc tại Hợp Đồng Bảo Đảm, Ngân Hàng sẽ có quyền bắt buộc thực thi ngay lập tức bất kỳ biện pháp bảo đảm nào mà Bên Được Cấp Tín Dụng đã cung cấp cho Ngân Hàng, bao gồm nhưng không giới hạn biện pháp cản trừ các khoản nợ vào số dư tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng, yêu cầu thực thi bảo lãnh và/hoặc bán các tài sản được bảo đảm mà không có bất kỳ giới hạn nào khác, thực hiện mọi việc đăng ký, chuyển giao quyền chiếm giữ, quyền sở hữu và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến tài sản được bảo đảm, nếu có, theo các quy định pháp luật có liên quan và theo yêu cầu của Ngân Hàng. Bên Được Cấp Tín Dụng theo đây cam kết ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân Hàng thực hiện mọi thủ tục, công việc liên quan đến việc thực thi ngay lập tức bất kỳ biện pháp bảo đảm theo Điều 9 này và sẽ chịu mọi phí, chi phí hay phí tổn liên quan;

comply with the enforcement of security. The Borrower agrees that, following an occurrence of an Event of Default as set forth in this Agreement or in a Security Agreement, the Bank shall have a right to enforce immediately any security the Borrower provided the Bank by way of, including but not limited to, deducting the debts against the Borrower's account balances, making demands on guarantees and/or selling security assets without any further restriction, carrying out all registrations, transfers of possession rights, ownership rights, and other procedures related to the security assets, if any, in accordance with relevant legal regulations and as required by the Bank. The Borrower hereby undertakes to unconditionally and irrevocably authorize the Bank to carry out all procedures and tasks related to the immediate enforcement of any security measures under this Article 9 and shall bear all related fee, costs or expenses;

- 9.1.9. hoàn trả đầy đủ gốc, lãi và phí theo đúng thỏa thuận và phù hợp với quy định pháp luật, tập quán thương mại quốc tế (nếu áp dụng);

repay fully the principal, interests and fees as agreed and in accordance with the laws and international trade custom (if applicable);

- 9.1.10. trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng được Ngân Hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết sẽ:

in case the Borrower is approved by the Bank for a debt reshedule, the Borrower undertakes to:

- (a) phối hợp với Ngân Hàng để đánh giá lại tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, dòng tiền, khả năng trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng trong từng thời kỳ;

cooperate with the Bank to reassess the business operation, financial condition, cash flow, debt repayment capability of the Borrower in each period;

- (b) Trường hợp theo đánh giá của Ngân Hàng, khả năng trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng tốt hơn, Ngân Hàng có quyền chủ động điều chỉnh lại lịch trả nợ đã cơ cấu theo hướng tăng số tiền trả nợ vào các kỳ hạn đến sớm nhất và/hoặc rút ngắn thời hạn trả nợ và thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

In the event that according to the Bank's evaluation, the Borrower's debt repayment capacity improves, the Bank shall have the right to proactively adjust the restructured repayment schedule by increasing the repayment amounts in the earliest upcoming terms and/or shortening the repayment period, and notify the Borrower accordingly.

- (c) Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không phối hợp để đánh giá lại tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hoặc không chấp nhận điều chỉnh lại lịch trả nợ đã cơ cấu, Ngân Hàng được quyền dừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn.

In case the Borrower does not cooperate in reassessing the business operation, financial condition or does not accept the restructured repayment schedule, the Bank has the right to suspend disbursement, and demand early repayment of debts.

- (d) Bên Được Cấp Tín Dụng cam kết trong thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ, tập trung mọi nguồn thu, tiền bán hàng thanh toán qua tài khoản mở tại Ngân Hàng và ưu tiên trả nợ trước cho Ngân Hàng.

The Borrower undertakes to, during the rescheduling period, gather all revenues and sales proceeds through the account opened at the Bank and prioritize debt repayment to the Bank.

- 9.1.11. không có Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể nào đối với tình hình tài chính hoặc phi tài chính, tình hình hoạt động, kết quả hoạt động, tài sản hoặc triển vọng kinh doanh của Bên Có Nghĩa Vụ;

There is no Material Adverse Effect on the financial or non-financial condition, operations, operating results, assets, or business prospects of the Obligor;

- 9.1.12. nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Ngân Hàng, không thực hiện:

without prior consent in writing of the Bank, the Obligor shall not:

- (a) hợp nhất hoặc sáp nhập với bất kỳ tổ chức nào khác; hoặc
consolidate or merge with any other entity; or
- (b) tham gia vào bất kỳ hoạt động tái cơ cấu tổ chức nào; hoặc
engage in any restructuring activities; or
- (c) thay đổi cổ đông, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu; hoặc
change shareholders, partners, members contributing capital, owners; or
- (d) thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; hoặc
change the name, registered address, business line, charter capital, or legal representative; or
- (e) thay đổi mục đích, quy mô của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp tín dụng; hoặc
change the purpose or scale of the project, production plan, business, or service plan that received credit; or
- (f) có những bước chuẩn bị để thanh lý, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động; hoặc
take steps to liquidate, dissolve, or terminate operations; or
- (g) thay đổi cơ bản lĩnh vực kinh doanh; hoặc
fundamentally change the business sector; or

- (h) bán, chuyển giao, chuyển nhượng, giải quyết hoặc thanh lý toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh hoặc các tài sản.

sell, transfer, assign, dispose of, or liquidate all or part of the business or assets.

Trong trường hợp Ngân Hàng không đồng ý, Ngân Hàng có quyền chấm dứt Hợp Đồng và/hoặc các hợp đồng liên quan. Trong trường hợp này, mọi Khoản Tiền Ứng và/hoặc Khoản Cho Vay Bắt Buộc và/hoặc bất kỳ khoản tiền cấp tín dụng gốc nào khác mà Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán theo Tài Liệu Cấp Vốn sẽ phải được hoàn trả theo thông báo/quy định do Ngân Hàng phát hành tại từng thời điểm.

In the event of the Bank's rejection, the Bank has the right to terminate the Agreement and/or related agreements. In such case, all Advances and/or Compulsory Loan and/or other principal outstanding amount payable by the Borrower pursuant to the Facility Documents must be repaid in accordance with the notice/regulations issued by the Bank from time to time.

- 9.2. Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt:** Bất kỳ và tất cả mọi hoạt động của Bên Được Cấp Tín Dụng, các công ty con của Bên Được Cấp Tín Dụng và công ty liên kết của Bên Được Cấp Tín Dụng đang và tại mọi thời điểm đã tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về báo cáo và lưu giữ tài chính đang áp dụng và luật phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các quy định và quy chế về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và bất kỳ quy định, quy chế hoặc hướng dẫn nào tương tự hoặc có liên quan được ban hành, thi hành hoặc thực thi bởi bất kỳ cơ quan chính quyền nào có thẩm quyền đối với Bên Được Cấp Tín Dụng, đối với bất kỳ công ty con nào của Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc đối với các công ty liên kết của Bên Được Cấp Tín Dụng (gọi chung là “**Luật Chống Rửa Tiền**”) và không có bất kỳ hành động, vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng nào bởi hoặc trước bất kỳ tòa án hoặc cơ quan chính phủ, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan hoặc trọng tài nào liên quan đến Bên Được Cấp Tín Dụng, đến công ty con của Bên Được Cấp Tín Dụng, đến công ty liên kết của Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc liên quan đến Luật Chống Rửa Tiền đang chờ xử lý hoặc có nguy cơ được tiến hành.

Anti-money laundering, counter-terrorism financing, and anti-proliferation of weapons of mass destruction: Any and all of the activities of the Borrower, its subsidiaries and its affiliates, at any time, strictly comply with the applicable financial report and filing requirements and the law on anti-money laundering, counter-terrorism financing, and anti-proliferation of weapons of mass destruction and other regulations, policies on anti-money laundering, counter-terrorism financing, and anti-proliferation of weapons of mass destruction and any other similar or relevant regulations or guidelines issued, enforced or performed by any governmental authorities having jurisdiction with respect to the Borrower, its subsidiaries and its affiliates (collectively, “**Anti Money Laundering Laws**”) and there are no actions, proceedings or juridical procedures conducted with any courts or governmental authorities or relevant authorities or arbitral organizations against the

Borrower, its subsidiaries and its affiliates relating to the Anti Money Laundering Laws which are pending, are threaten to be conducted.

9.3. Tuân thủ Đạo Luật Tuân Thủ Thuế Đối Với Tài Khoản Nước Ngoài (FATCA)/ *Foreign Account Tax Compliance Act (FATCA) Compliance:*

9.3.1. “FATCA” có nghĩa là:/ “FATCA” means:

- (a) các điều khoản từ 1471 đến 1474 của Bộ Luật Doanh Thu Nội Bộ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ năm 1986 (*US Internal Revenue Code of 1986*) hoặc bất cứ các quy định liên quan nào;

clause 1471 to clause 1474 of the US Internal Revenues Code of 1986 or any other relevant regulations;

- (b) bất cứ các hiệp định, luật hoặc các quy định nào được ban hành tại bất cứ vùng tài phán nào khác hoặc liên quan đến một hiệp định liên chính phủ giữa Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ (US) và vùng tài phán khác (trong bất cứ trường hợp nào) để tạo điều kiện thực hiện các luật hoặc các quy định tại đoạn (a) ở trên; hoặc

any other treaties, laws or regulations issued in any other jurisdiction or relating to a joint governmental treaty entered into between the United States and other jurisdictions (in any event) in order to facilitate the enforcement of the laws or regulations referred to in paragraph (a) above; or

- (c) bất cứ thỏa thuận nào để thực hiện bất cứ các hiệp định, luật, các quy định được dẫn chiếu tại đoạn (a) hoặc (b) ở trên với Dịch Vụ Doanh Thu Nội Bộ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (*US Internal Revenue Service*) hoặc chính phủ Hoa Kỳ hoặc cơ quan chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền về thuế ở bất cứ vùng tài phán nào khác.

any agreement in order to enforce any treaty, law and regulations referred to in paragraphs (a) and (b) above with the US Internal Revenue Services or the United States government or any other governmental or tax authority of any other jurisdiction.

- 9.3.2. Trong vòng [] Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ngân Hàng, Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ cung cấp các bản tài liệu và các thông tin khác liên quan đến tình trạng của mình theo quy định của FATCA nhằm mục đích chứng minh Bên Được Cấp Tín Dụng tuân thủ các yêu cầu của FATCA; đồng thời thực hiện việc điền đầy đủ các biểu mẫu có liên quan đến việc tuân thủ FATCA và gửi đến Ngân Hàng.

Within [] Business Days as from the date of receipt of the Bank's request, the Borrower is liable to provide written documents and other information relating to its status in accordance with FATCA for the purposes of evidencing its compliance to the FATCA requests; and simultaneously complete all of the relevant forms relating to the FATCA compliance for sending to the Bank.

9.3.3. Ngân Hàng có quyền thực hiện việc khấu trừ các tài khoản (kể cả tài khoản vay) của Bên Được Cấp Tín Dụng để thực hiện các yêu cầu tuân thủ FATCA trong trường hợp xác định Bên Được Cấp Tín Dụng thuộc đối tượng bị khấu trừ tài khoản theo FATCA.

The Bank is entitled to deducts any amount (including the loan) of the Borrower in order to comply with FATCA in case the Borrower is subject to the account deduction in accordance with FATCA.

9.4. [Các Cam Kết Tài Chính]/[Financial Covenants]

10. NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG

OBLIGATIONS OF THE BANK

Trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng này, Ngân Hàng có các nghĩa vụ như sau:

During the implementation of this Agreement, the Bank has the following obligations:

10.1. Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng các khoản cấp tín dụng và trả nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này;

Inspect and supervise the use of facilities and debt repayment of the Borrower in accordance with the laws and this Agreement;

10.2. Lưu giữ hồ sơ tín dụng cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật;

Maintain necessary and appropriate credit records in accordance with the laws;

10.3. Bảo mật các thông tin có được từ Bên Được Cấp Tín Dụng theo Tài Liệu Cấp Vốn và quy định của pháp luật;

Keep confidential the information provided by the Borrower in accordance with the Facility Documents and the laws;

10.4. Thực hiện các thủ tục liên quan đến tài sản bảo đảm (nếu có) theo Hợp Đồng Bảo Đảm và quy định của pháp luật;

Carry out all procedures related to the security asset (if any) in accordance with the Security Agreement and the laws;

10.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết, trách nhiệm và các nghĩa vụ khác được quy định tại Hợp Đồng này, các thỏa thuận giữa Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng và theo quy định của pháp luật.

Perform duly and fully the commitments, responsibilities and other obligations as stipulated in this Agreement, in the agreements between the Bank or the Borrower and in accordance with the laws.

11. SỰ KIỆN VI PHẠM VÀ HẬU QUẢ/ EVENTS OF DEFAULT AND CONSEQUENCES

11.1. Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được xem là một Sự Kiện Vi Phạm theo Tài Liệu Cấp Vốn liên quan:

Any of the following shall be deemed an Event of Default under the Security Agreements:

11.1.1. Bên Có Nghĩa Vụ không thanh toán, thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền nào đến hạn hoặc phải thanh toán theo Hợp Đồng này hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn liên quan bằng đồng tiền và theo cách thức được quy định tại Tài Liệu Cấp Vốn; hoặc

The Obligor fails to pay or fully pay any sum when due or payable hereunder or under the related Facility Documents, in the currency and in the manner specified in the Facility Documents; or

11.1.2. Bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào không thực hiện hoặc không tuân thủ đầy đủ, hợp lệ và nghiêm túc bất kỳ nghĩa vụ hoặc cam kết tương ứng nào của mình đối với Ngân Hàng theo bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn liên quan nào mà Bên Có Nghĩa Vụ đó là một bên tham gia; hoặc

Any Obligor fails to fully, duly and punctually perform or comply with any of its respective obligations or undertaking to the Bank under any related Facility Documents to which it is a party; or

11.1.3. Bất kỳ khẳng định hoặc đảm bảo hoặc cam kết nào được lập hoặc xem như được lập bởi bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào tại hoặc liên quan đến Tài Liệu Cấp Vốn hoặc tại bất kỳ thông báo, chứng nhận, văn kiện hoặc văn bản báo cáo nào theo Tài Liệu Cấp Vốn này, là hoặc được chứng minh là không chính xác hoặc có sai lệch; hoặc

Any representation or warranty or undertaking made or deemed to be made by any Obligor in or in connection with the Facility Documents or in any of its notice, certificate, instrument or written statement pursuant thereto is or proves to have been incorrect or misleading; or

11.1.4. Bên Có Nghĩa Vụ vi phạm hoặc nhận được thông báo vi phạm theo bất kỳ hợp đồng nào hoặc bất kỳ khoản nợ nào của Bên Có Nghĩa Vụ trở nên đến hạn và phải thanh toán trước ngày đến hạn cụ thể (ngoài lý do vì tính bất hợp pháp của khoản nợ đó) hoặc bất kỳ biện pháp cầm giữ, bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm khác do Bên Có Nghĩa Vụ hiện tạo ra hoặc sau này sẽ tạo ra trở nên có tính bắt buộc thực thi; hoặc

An Obligor defaults or receives notice of default under any agreement, or any of its indebtedness becomes due and payable prior to its specified maturity (other than by reason of an illegality in relation to such indebtedness) or any charge, guarantee or other security now or hereafter created by the Obligor becomes enforceable; or

11.1.5. Bên Được Cấp Tín Dụng ngừng hoặc ngưng thanh toán cho các bên cho vay khác hoặc không có khả năng hoặc thừa nhận không còn khả năng thanh toán nợ của Bên Được Cấp Tín Dụng đó khi đến hạn hoặc tìm cách ký kết bất kỳ thỏa hiệp nào hay thu xếp khác với các bên cho vay, hoặc Bên Được Cấp Tín Dụng đang trong tình trạng có khả năng bị phá sản, hoặc bị tuyên bố phá sản hay vỡ nợ; hoặc

The Borrower stops or suspends payments to its creditors or is unable or admits its inability to pay its debts as they fall due or seeks to enter into any composition or other arrangement with its creditors, or is on the brink of the bankruptcy or is declared or becomes bankrupt or insolvent; or

- 11.1.6. Bất kỳ đơn xin nào được nộp hoặc một thủ tục tố tụng được tiến hành hoặc một nghị quyết có hiệu lực được thông qua hoặc bất kỳ một thủ tục nào khác được thực hiện bởi bất kỳ bên nào nhằm mục đích thanh lý, cơ cấu lại, xây dựng lại, tái cấu trúc, chuyển nhượng, thay đổi cơ cấu sở hữu trực tiếp hay gián tiếp giải thể hoặc phá sản một Bên Có Nghĩa Vụ; hoặc

A petition is filed or a proceeding is commenced or an effective resolution is passed or any another procedure is taken by any party for the winding-up, reorganization, reconstruction, restructuring, assign, directly or indirectly change of ownership structure or dissolution or bankruptcy of an Obligor; or

- 11.1.7. Tại bất kỳ thời điểm nào và vì bất cứ lý do nào, việc bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào thực thi hoặc thực hiện hoặc tuân thủ bất kỳ hoặc tất cả các nghĩa vụ của mình theo Tài Liệu Cấp Vốn này; hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được áp dụng cho các Khoản Cấp Tín Dụng trở nên bất hợp pháp; hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của bất cứ Bên Có Nghĩa Vụ nào theo bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn liên quan nào không có hoặc không còn tính hợp pháp, hiệu lực và tính ràng buộc; hoặc

At any time and for any reason it is or becomes unlawful for any Obligor to exercise or perform or comply with any or all of its obligations under the Facility Documents; or any security applicable to the Facilities becomes unlawful; or any of the obligations of any Obligor under any related Security Agreements is not or ceases to be legal, valid and binding; or

- 11.1.8. Bất kỳ bên nào tiến hành thủ tục pháp lý chống lại một Bên Có Nghĩa Vụ hoặc bất kỳ cam kết hay tài sản nào của Bên Có Nghĩa Vụ đó; hoặc

Any party institutes legal proceedings against an Obligor or against any of the undertakings or assets of the Obligor; or

- 11.1.9. Bên Có Nghĩa Vụ ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc bất kỳ phần đáng kể nào trong hoạt động kinh doanh của mình, hoặc thay đổi hoặc có nguy cơ thay đổi tính chất hay phạm vi kinh doanh của mình, hoặc một Bên Có Nghĩa Vụ xử lý hoặc có nguy cơ xử lý bất kỳ phần đáng kể nào trong hoạt động kinh doanh hoặc tài sản của mình, hoặc một Bên Có Nghĩa Vụ có sự thay đổi quyền kiểm soát; hoặc

An Obligor ceases or threatens to cease to carry on its business or any substantial part thereof, or changes or threatens to change the nature of scope of its business, or an Obligor disposes of or threatens to dispose of any substantial part of its business or assets, or an Obligor has any change of control; or

- 11.1.10. Bên Được Cấp Tín Dụng ngừng sử dụng khu đất và/hoặc bị bất kỳ bên thứ ba nào có thẩm quyền tịch thu và/hoặc bị ngăn chặn sử dụng khu đất mà trên đó hiện đang tiến hành các hoạt động kinh doanh của mình; hoặc

The Borrower ceases to use the land on which its business operations are presently conducted and/or such land has been revoked by a third party and/or the Borrower is prevented to use such land;

11.1.11. Chính phủ hoặc cơ quan chính phủ Việt Nam quy định giới hạn về việc hoàn trả nợ hoặc phong tỏa tài sản, quốc hữu hóa, tịch thu, thu giữ hoặc kiểm soát hoặc bằng cách khác trưng dụng toàn bộ hoặc phần đáng kể của cải, tài sản hoặc hàng tồn kho của Bên Có Nghĩa Vụ hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác mà có thể ngăn cản đáng kể không cho hoặc hạn chế Bên Có Nghĩa Vụ tiếp tục kinh doanh theo cách thức mà Bên Có Nghĩa Vụ hiện đang thực hiện; hoặc

The government or any governmental agency of Vietnam imposes restriction on repayment of debts or freezes assets, nationalizes, seizes, takes custody or control over or otherwise expropriates all or a substantial part of the property, assets or stock of the Obligor or any other action that would prevent or limit the Obligor from carrying on operations substantially in the manner as the Obligor is presently conducted; or

11.1.12. Có bất kỳ sửa đổi, bãi bỏ, từ bỏ hoặc thu hồi nào được áp dụng đối với điều lệ công ty của Bên Có Nghĩa Vụ hoặc bất kỳ tài liệu thành lập nào của Bên Có Nghĩa Vụ mà có thể ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn nào liên quan; hoặc

There is any amendment, abrogation, abandonment or revocation of an Obligor's charter or any of its corporate documents which may affect the execution and implementation of this Agreement or any related Facility Documents; or

11.1.13. Một Sự Kiện Vi Phạm của bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào trong việc thực hiện, tuân thủ hoặc đáp ứng bất kỳ điều khoản nào của bất cứ Hợp Đồng, Tài Liệu Cấp Vốn hoặc văn kiện nào khác đã xảy ra và đang tiếp diễn; hoặc

An Event of Default by any Obligor in the performance, observance of fulfillment of any term of any other Agreement, Facility Documents or instrument has occurred and is continuing; or

11.1.14. Xảy ra bất kỳ tình huống nào mà theo ý kiến của Ngân Hàng, được lấy làm căn cứ để tin rằng một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể đã xảy ra và đang tiếp diễn; hoặc

Any circumstances arise which give grounds in the opinion of the Bank for belief that a Material Adverse Effect has occurred and is continuing; or

11.1.15. Bên Được Cấp Tín Dụng có một hoặc một số Khoản Cấp Tín Dụng khác bị chuyển sang nợ quá hạn tại Ngân Hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào khác mà Ngân Hàng có cơ sở để biết được; hoặc

The Borrower has one or certain Facilities considered as delinquent at the Bank or at any other credit institutions, foreign bank branches known to the Bank; or

11.1.16. Theo đánh giá của Ngân Hàng, tài sản bảo đảm cho Khoản Cấp Tín Dụng bị giảm giá trị, bị hủy hoại, bị giải tỏa, bị thu hồi đền bù giải tỏa hoặc bị thiệt hại nghiêm trọng nhưng Bên Có Nghĩa Vụ không bổ sung hoặc thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Ngân Hàng; hoặc

In the Bank's assessment, the security assets for the Facilities decrease in value, are damaged, cleared, repossessed, compensated, or seriously harmed, and the Obligor does not supplement or replace the security assets as required by the Bank; or

- 11.1.17. Việc duy trì Khoản Cấp Tín Dụng theo nhận định của Ngân Hàng có thể dẫn đến việc Ngân Hàng vi phạm các quy định của pháp luật, quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam; hoặc

According to the Bank, maintaining the Facilities may lead to its breach of the legal regulations and the regulations of the State Bank of Vietnam; or

- 11.1.18. Bên Có Nghĩa Vụ cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc Tài Liệu Cấp Vốn hoặc bất cứ thoả thuận, cam kết nào khác với Ngân Hàng.

The Obligor provides false information, breaches the provisions of this Agreement, the Security Agreement or the Facility Documents, or any other agreement and commitment with the Bank.

11.2. Khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm, Ngân Hàng sẽ:

If an Event of Default has occurred, the Bank shall:

- 11.2.1. thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng về Hạn Mức Cấp Tín Dụng và Khoản Cấp Tín Dụng sẽ bị chấm dứt và áp dụng biện pháp thu hồi nợ trước hạn đối với tất cả các Khoản Cấp Tín Dụng đã cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng; đồng thời nghĩa vụ cấp thêm Khoản Tiền Ứng của Ngân Hàng theo Tài Liệu Cấp Vốn sẽ bị ngừng ngay lập tức;

notify the Borrower of the Facilities and the Facility Limit termination and apply the early collection of debts to all Advances granted to the Borrower. Simultaneously, the obligation of the Bank to make further Advances hereunder and/or in accordance with the Facility Documents shall immediately cease;

- 11.2.2. thu hồi nợ trước hạn/early collection of debt

Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng số tiền phải hoàn trả cho Ngân Hàng (gồm Khoản Tiền Ứng, các khoản Tiền Lãi, Tiền Lãi Quá Hạn, Lãi Trên Dư Nợ Lãi Chậm Trả, các khoản phí liên quan đến Khoản Tín Dụng, các khoản bồi thường thiệt hại, phạt do vi phạm Hợp Đồng và các chi phí, phí tổn, của Ngân Hàng khi cấp Khoản Cấp Tín Dụng cho Bên Được Cấp Tín Dụng) chưa được thanh toán và Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán theo thông báo thu hồi nợ trước hạn của Ngân Hàng;

The Bank will notify the Borrower the outstanding amount to be repaid (including the unpaid Advance, Interests, Overdue Interest, Overdue Interest Payment, fees relating to the Facilities, damages, penalties for breach of Agreement and other expenses and costs of the Bank in providing the Facilities to the Borrower) and the Borrower must repay in accordance with notice on early collection of debt issued by the Bank;

11.2.3. ngay lập tức thực thi tất cả các quyền và biện pháp khắc phục theo Tài Liệu Cấp Vốn và bất kỳ hoặc toàn bộ biện pháp bảo đảm áp dụng cho Khoản Tín Dụng; và

immediately enforce all rights and remedies under the Facility Documents and any or all security for the Facilities; and

11.2.4. thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo bao gồm nhưng không bao gồm: (i) thời điểm chấm dứt của Hạn Mức Cấp Tín Dụng; (ii) các Khoản Tiền Ứng bị thu hồi trước hạn; (iii) thời điểm của Ngày Hoàn Trả, thời điểm chuyển nợ quá hạn; và (iv) mức lãi suất áp dụng đối với (các) Khoản Tiền Ứng bị thu hồi trước hạn.

notify the Borrower of such loan termination and early debt recovery. The minimum contents of such notification include but not limited to: (i) the date of termination of the Facility Limit; (ii) the Advances subject to early collection; (iii) Repayment Date, date of debt delinquency and (iv) interest rate applied to the Advance(s) to be recovered prior to the due date.

11.3. Khi Ngân Hàng áp dụng biện pháp thu hồi nợ trước hạn, Bên Được Cấp Tín Dụng có nghĩa vụ ngay lập tức thanh toán toàn bộ các khoản tiền chưa thanh toán cho Ngân Hàng được quy định tại Tài Liệu Cấp Vốn theo thời hạn được xác định trong thông báo. Ngân Hàng sẽ áp dụng Lãi Suất Trên Dư Nợ Gốc Quá Hạn vào ngày tiếp theo ngày hết thời hạn thanh toán theo thông báo nêu trên trong trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ với Ngân Hàng.

Upon the application of the early debt collection by the Bank, the Borrower is required to immediately repay any and all unpaid amounts to the Bank as stipulated the Facility Documents in accordance with the term stipulated in the notice. The Bank will apply the Delinquent Interest Rate on the subsequent day of the last day of the payment term in accordance with the notice mentioned above in the event that the Borrower fails to pay or fails to fully pay any debts owed to the Bank.

12. BÙ TRỪ/ SET-OFF

Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu bất cứ khoản tiền nào đến hạn mà Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán cho Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Hợp Đồng nào khác chưa được thanh toán hoặc một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn, thì Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý, ủy quyền và chỉ thị không hủy ngang và vô điều kiện cho Ngân Hàng bù trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Ngân Hàng còn nợ Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc bất kỳ khoản tiền nào mà Ngân Hàng giữ để ghi có vào (các) tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng với khoản tiền mà Bên Được Cấp Tín Dụng chưa thanh toán hoặc tự động khấu trừ vào (các) tài khoản của Bên Được Cấp Tín Dụng mở tại Ngân Hàng nhằm thanh toán khoản tiền chưa thanh toán đó.

If at any time any sum which is due from the Borrower to the Bank under this Agreement or any other agreement is unpaid or an Event of Default has occurred and is continuing, the Borrower irrevocably and unconditionally agrees, authorizes and instructs the Bank to set off any monies owing by the Bank to the Borrower or held by the Bank for credit of the Borrower's account(s) against the amount

unpaid by the Borrower or automatically deduct from the Borrower's account(s) with the Bank to satisfy the unpaid amount.

13. CHẬM TRỄ VÀ KHƯỐC TỪ/ DELAYS AND WAIVER

Việc Ngân Hàng chậm thực hiện hoặc bỏ qua không thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho Khoản Cấp Tín Dụng sẽ không làm giảm giá trị bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục nào mà Ngân Hàng có được một cách hợp pháp hoặc sẽ không được hiểu là khước từ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục đó.

No delay or omission by the Bank to exercise any right, power or remedy under this Agreement or any security for the Facilities shall impair any right, power or remedy legally available to the Bank nor shall it be construed as a waiver thereof.

Việc chậm trễ hoặc chưa thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hay yêu cầu biện pháp khắc phục nào của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho Các Khoản Cấp Tín Dụng sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ quyền, quyền hạn hay quyền yêu cầu khắc phục nào của Ngân Hàng và cũng không được xem là Ngân Hàng khước từ các quyền đó của mình. Bất kỳ việc khước từ một vi phạm đơn lẻ hoặc Sự Kiện Vi Phạm nào khác theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho các Khoản Cấp Tín Dụng sẽ không được xem là khước từ bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào khác. Mọi quyền yêu cầu biện pháp khắc phục của Ngân Hàng là cộng dồn và không phải là duy nhất. Bất kỳ khước từ, phê chuẩn, chấp thuận nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho các Khoản Cấp Tín Dụng phải được lập bằng văn bản thì mới có hiệu lực.

Delays or failures by the Bank in exercising any rights, powers or remedies under this Agreement or any security for the Facilities shall not affect any rights, powers or remedies of the Bank, nor shall they be considered as a waiver by the Bank of such rights. No waiver of any single breach or Event of Default under this Agreement or any security for the Facilities shall be deemed a waiver of any other breach or Event of Default. All rights to request for remedies afforded to the Bank shall be cumulative and not exclusive. Any waiver, consent, approval under this Agreement or any security for the Facilities must be in writing to be effective.

14. BẢO MẬT VÀ TIẾT LỘ THÔNG TIN/ CONFIDENTIALITY AND DISCLOSURE OF INFORMATION

14.1. Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý với Ngân Hàng rằng trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này, Bên Được Cấp Tín Dụng và các nhân viên, đại lý của Bên Được Cấp Tín Dụng không được tiết lộ dưới bất cứ hình thức nào cho bất kỳ bên thứ ba nào về các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này hoặc tình hình các giao dịch được dự liệu tại Hợp Đồng này trừ phạm vi được quy định bởi luật, yêu cầu trong quá trình tố tụng pháp lý của tòa án hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước nào phù hợp với luật pháp Việt Nam hoặc trừ phạm vi cần thiết để thực hiện các giao dịch được dự liệu tại Hợp Đồng này.

The Borrower agrees with the Bank that during the term of validity of this Agreement, the Borrower and the Borrower's employees and agents shall not make any disclosure of whatever nature to any third party as to the terms and conditions of this Agreement or the

status of the transactions contemplated herein except to the extent required by law, requested during court legal process or any government body pursuant to the laws of Vietnam or to the extent necessary to carry out the transactions contemplated herein.

Khi Bên Được Cấp Tín Dụng cần thiết phải tiết lộ thông tin theo quy định tại Điều 14.1 nêu trên, Bên Được Cấp Tín Dụng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng ít nhất [_____] Ngày Làm Việc trước khi tiến hành tiết lộ thông tin. Thông báo cho Ngân Hàng ít nhất phải bao gồm nội dung về thông tin sẽ tiết lộ, người sẽ tiếp nhận thông tin tiết lộ và lý do tiết lộ thông tin, cùng các giấy tờ/tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân Hàng tùy từng thời điểm.

In the event that the Borrower is required to disclose any information in accordance with Article 14.1 set out above, the Borrower should notify the Bank in writing at least [_____] Business Days prior to the proposed date of disclosure. The written notification to the Bank should include, to the minimum, the contents of the information proposed to be disclosed, the proposed recipients and the reasons for such disclosure, enclosed with other documents as may be required by the Bank from time to time.

- 14.2.** Bất kể có những quy định nào trái với điều khoản này, Bên Được Cấp Tín Dụng theo đây đồng ý không hủy ngang rằng Ngân Hàng, dựa trên sự xem xét của riêng mình, có thể tiết lộ bất cứ thông tin nào về Bên Được Cấp Tín Dụng và/hoặc Bên Bảo Lãnh cho ngân hàng mẹ, các công ty con, các công ty liên kết và các bên tư vấn, cung cấp dịch vụ pháp lý, kiểm toán của Ngân Hàng và các cán bộ, nhân viên hoặc người đại diện của các tổ chức kể trên mà Ngân Hàng thấy cần thiết nhằm phục vụ cho các giao dịch của Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc xác nhận tính hiệu lực của bất kỳ tài liệu, chứng từ pháp lý nào trong điều kiện hoạt động bình thường. Bên Được Cấp Tín Dụng và Bên Bảo Lãnh sẽ khước từ quyền lợi của mình liên quan đến việc bảo mật thông tin riêng tư trong các trường hợp kể trên và đồng ý với việc tiết lộ thông tin được quy định tại Hợp Đồng này.

Notwithstanding anything to the contrary herein, the Borrower hereby irrevocably agree that the Bank, at its sole discretion, may disclose any information about the Borrower(s) and/or the Guarantor(s), to the Bank's parents, subsidiaries, affiliates, legal and auditing service providers, and their respective officers, employees and agents to the extent necessary for the Bank to service the account or to effectuate any legal paper, document in the course of ordinary business. The Borrower(s) and Guarantor(s) hereby waive their respective rights to privacy and hereby consent to such limited disclosure as stipulated in this Agreement.

- 14.3.** Bên Được Cấp Tín Dụng theo đây đồng ý không hủy ngang rằng Ngân Hàng có quyền tiết lộ thông tin cho bất cứ bên thứ ba nào khác:

The Borrower hereby irrevocably agrees that the Bank may disclose to any other third party:

- 14.3.1. mà Ngân Hàng chuyển nhượng hoặc chuyển giao (hoặc có thể sẽ chuyển nhượng hoặc chuyển giao) hoặc thông qua những bên này để chuyển nhượng/chuyển giao toàn bộ hoặc bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của mình theo Tài Liệu Cấp Vốn; hoặc

to (or through) whom that the Bank assigns or transfers (or may potentially assign or transfer) all or any of its rights and obligations under the Facility Documents;

14.3.2. mà Ngân Hàng ký kết (hoặc có thể sẽ ký kết) tài trợ gián tiếp hoặc bất kỳ giao dịch nào khác hoặc thông qua những bên này để ký kết tài trợ gián tiếp/bất kỳ giao dịch nào khác mà việc thanh toán sẽ được đề cập hoặc tham chiếu đến Tài Liệu Cấp Vốn hoặc Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc Bên Bảo Lãnh; hoặc

with (or through) whom that the Bank enters into (or may potentially enter into) any sub-participation in relation to, or any other transaction under which payments are to be made by reference to, this Agreement and the Security Agreements or the Borrower or the Guarantor; or

14.3.3. mà bên thứ ba tiến hành (hoặc có thể sẽ tiến hành) thẩm định và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, vốn cho Ngân Hàng với điều kiện bên thứ ba đó có thỏa thuận về việc bảo mật thông tin với Ngân Hàng; hoặc

to whom performs (or may perform) evaluation and provide products, services, funds to the Bank, provided that the third party has an agreement on personal data protection with the Bank; or

14.3.4. mà luật pháp hoặc quy định hiện hành, và trong phạm vi như thế, yêu cầu phải tiết lộ những thông tin đó cho (những) bên đó, bao gồm nhưng không giới hạn đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, cá nhân mà Ngân Hàng được phép tiết lộ,

to whom, and to the extent that, information is required to be disclosed by any applicable law or regulation, including but not limited to government authorities, agencies, organizations, or individuals to whom the Bank is permitted to disclose,

bất kỳ thông tin nào về Bên Có Nghĩa Vụ và/hoặc Tài Liệu Cấp Vốn mà Ngân Hàng cho là phù hợp.

any information about the Obligors and/or this Agreement and/or the Security Agreement and/or Facility Documents as the Bank shall consider appropriate.

15. HOÀN CẢNH THAY ĐỔI/ CHANGES IN CIRCUMSTANCES

15.1. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu Ngân Hàng quyết định rằng việc ban hành, quy định hoặc thay đổi bất kỳ quy định của pháp luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, văn bản pháp quy, quy chế hoặc chỉ thị chính thức nào (dù có hiệu lực pháp lý hay không), hoặc bất kỳ thay đổi nào về cách diễn giải hoặc áp dụng luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, lệnh, quy chế hoặc chỉ thị chính thức đó, hoặc việc tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào (dù có hiệu lực pháp lý hay không) của bất kỳ ngân hàng trung ương nào hoặc cơ quan tư pháp, cơ quan tiền tệ khác hoặc các cơ quan thẩm quyền khác:

If, at any time, the Bank determines that the issuance, imposition or variation of any regulations of the law, ordinance, decree, circular, decision, order, regulation or official directive (whether or not having the force of law), or any change in the interpretation or application thereof, or compliance with any request (whether or not having the force of law) from any central bank or other fiscal, monetary or other authority:

15.1.1. làm cho việc Ngân Hàng cấp bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào hoặc duy trì, cấp vốn hoặc tạo hiệu lực cho các nghĩa vụ của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này trở nên bất hợp pháp hoặc không thể thực hiện được; hoặc

makes it unlawful or impractical for the Bank to make any Advance or maintain, fund or give effect to its obligations hereunder; or

15.1.2. làm tăng chi phí của Ngân Hàng trong việc lập, cấp hoặc duy trì Khoản Cấp Tín Dụng hoặc bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào; hoặc

increases the cost to the Bank of making, issuing or maintaining the Facilities or any Advance; or

15.1.3. làm giảm bất kỳ khoản tiền nào mà Ngân Hàng được nhận hoặc phải thu liên quan đến các Khoản Cấp Tín Dụng hoặc bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào; hoặc

reduces the amount of any sum received or receivable by the Bank in respect of the Facilities or any Advances; or

15.1.4. ấn định bất kỳ thuế, đánh thuế hoặc khoản thuế nào dưới bất cứ tính chất nào (bao gồm nhưng không giới hạn thuế khấu lưu tiền lãi) áp dụng cho bất kỳ khoản tiền nào Ngân Hàng phải thanh toán cho hoặc liên quan đến các Khoản Cấp Tín Dụng hoặc bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào,

imposes any tax, levy or duty of any nature whatsoever (including, without limitation, an interest withholding tax) on any amounts payable by the Bank in respect of or in connection with the Facilities or any Advance,

thì Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng về hoàn cảnh dẫn đến quyết định như vậy và Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ:

then the Bank will notify the Borrower of the circumstances leading to such determination and the Borrower will:

(a) khi được yêu cầu, thanh toán cho Ngân Hàng các khoản tiền do Ngân Hàng đã cấp tại từng thời điểm và tại bất kỳ thời điểm nào thông báo cho Bên Được Cấp Tín Dụng mà cần thiết để bồi thường cho Ngân Hàng về chi phí, khoản giảm bớt, thanh toán, khấu lưu hoặc khấu trừ thêm như vậy hoặc để làm cho Ngân Hàng có thể tuân thủ luật pháp áp dụng; và

on demand, pay to the Bank such amounts as the Bank grants from time to time and at any time notify the Borrower to be necessary to compensate the Bank for such additional cost, reduction, payment, withholding or deduction or to enable the Bank to comply with applicable law; and

(b) khi được yêu cầu, thanh toán trước mọi Khoản Tiền Ứng còn tồn đọng cùng với các khoản tiền lãi, tiền phạt, phí phát sinh và tất cả các khoản tiền khác phải trả theo Tài Liệu Cấp Vốn vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi tiếp theo và việc tiếp tục giải ngân các Khoản Cấp Tín Dụng sẽ bị tạm dừng hoặc hủy bỏ, tùy theo quyết định của Ngân Hàng.

on demand, prepay on the last day of the next Interest Period all outstanding Advances together with accrued interest, penalties and fees and all other amounts payable under the Facility Documents and the disbursement of the Facilities shall be suspended or cancelled, as determined by the Bank.

- 15.2.** Bất kỳ quyết định hoặc thông báo nào của Ngân Hàng về bất kỳ vấn đề nào được đề cập trong Điều 15 này nếu không có lỗi rõ ràng được chứng minh thì sẽ là bằng chứng chung cuộc liên quan đến vấn đề đó và sẽ có tính ràng buộc Bên Được Cấp Tín Dụng.

Any determination or notification by the Bank concerning any matter referred to in this Article 15 will, in the absence of proven manifest error, be conclusive evidence as to that matter and will be binding on the Borrower.

16. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI/ INDEMNITIES

- 16.1.** Theo bất kỳ pháp luật áp dụng nào, dù do một phán quyết/bản án bất lợi cho Bên Được Cấp Tín Dụng hoặc do Bên Được Cấp Tín Dụng phá sản hoặc thanh lý hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, nếu bất kỳ khoản thanh toán nào theo hoặc liên quan đến Hợp Đồng này được thực hiện hoặc thu được bằng loại tiền tệ không phải là VND thì trong phạm vi khoản thanh toán (khi được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái vào ngày thanh toán) cho Ngân Hàng đó không đủ trả cho khoản tiền chưa được thanh toán theo Hợp Đồng này, thì Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ bồi thường cho Ngân Hàng khoản chênh lệch thiếu đó như là một nghĩa vụ riêng và độc lập. Vì mục đích của khoản này, *tỷ giá hối đoái* có nghĩa là tỷ giá mà vào ngày liên quan mà Ngân Hàng có thể mua VND bằng loại tiền tệ khác đó. Việc giao dịch ngoại tệ sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng tại Hợp Đồng này, các thỏa thuận liên quan và quy định của pháp luật.

If, under any applicable law, whether as a result of a judgment/verdict against the Borrower or the Borrower's bankruptcy or liquidation or for any other reason, any payment under or in connection with this Agreement is made or is recovered in a currency other than VND then, to the extent that the payment (when converted into VND at the rate of exchange on the date of payment) to the Bank falls short of the amount unpaid under this Agreement, the Borrower will as a separate and independent obligation, indemnify the Bank against the amount of the shortfall. For the purposes of this clause rate of exchange means the rate at which the Bank is able on the relevant date to purchase VND with that other currency. The foreign currency transaction shall be performed in accordance with agreements between the Bank and the Borrower in this Agreement, related agreements and the laws.

- 16.2.** Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ bồi thường thiệt hại cho Ngân Hàng, khi được yêu cầu, về việc cấp tín dụng, các phí tổn hoặc phí, chi phí khác mà Ngân Hàng đã chịu do hậu quả của việc:

The Borrower shall indemnify on demand the Bank against any facilities, other costs or fees, expense incurred by the Bank as a consequence of:

- 16.2.1.** bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào chưa được thực hiện vì bất kỳ lý do nào (ngoại trừ do vi phạm của Ngân Hàng) vào ngày được nêu trong các văn bản liên quan đến Yêu Cầu Ứng Vốn; hoặc

any Advance not being made for any reason (except for the Bank's default) on the date specified in the documents relating to the Loan Disbursement Request, or

16.2.2. Ngân Hàng nhận được bất kỳ Khoản Tiền Ứng, các khoản Tiền Lãi nào vào ngày không phải vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi; hoặc

the receipt by the Bank of any Advance and Interest on the date other than the last day of its Interest Period, or

16.2.3. Bên Được Cấp Tín Dụng vi phạm trong việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn mà không phải là nợ gốc và/hoặc lãi tiền cấp tín dụng theo Tài Liệu Cấp Vốn.

default in payment by the Borrower of any sum when due, which are not principal debt and/or interest under the Facility Documents.

17. BẢNG CHỨNG NỢ/ EVIDENCE OF DEBT

17.1. Các tài khoản hoặc sổ sách hoặc hệ thống máy tính được Ngân Hàng duy trì liên quan đến Hợp Đồng này sẽ là bằng chứng chung cuộc của các khoản tiền mà Bên Được Cấp Tín Dụng còn nợ Ngân Hàng, trừ trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng chứng minh được có sai sót cụ thể, rõ ràng và có bằng chứng rằng khoản tiền còn nợ đó không chính xác.

The accounts, books or computer systems maintained by the Bank in connection with this Agreement shall be conclusive evidence of sums owing by the Borrower to the Bank, unless the Borrower can prove that there was a specific, clear error with evidence showing that the outstanding amounts are inaccurate.

17.2. Trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào liên quan đến Hợp Đồng này, một bảng kê về bất kỳ khoản tiền nào đến hạn mà Bên Được Cấp Tín Dụng phải thanh toán do Ngân Hàng phát hành sẽ là bằng chứng về việc khoản tiền đó thật sự đến hạn và phải thanh toán, trừ trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng chứng minh được có sai sót cụ thể, rõ ràng và có bằng chứng rằng khoản tiền đó không chính xác.

In any proceedings relating to this Agreement a statement as to any amount due to the Bank is issued by the Bank, will be evidence that such amount is in fact due and payable, unless the Borrower can prove that there was a specific, clear error, with evidence showing that the amount is incorrect.

18. KHÔNG CÓ HIỆU LỰC TỪNG PHẦN/ PARTIAL INVALIDITY

18.1. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng này là hoặc trở nên bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có tính buộc thực thi trên bất kỳ phương diện nào, thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc tính bắt buộc thực thi của các quy định còn lại trong Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị làm giảm giá trị.

If, at any time, any provision hereof is or becomes illegal, invalid or unenforceable in any respect, the legality, validity or enforceability of the remaining provisions hereof shall not be affected or impaired.

18.2. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu các bên thỏa thuận thay đổi và/hoặc bổ sung các điều khoản và điều kiện của Khoản Cấp Tín Dụng và/hoặc bất kỳ nội dung nào của Hợp Đồng này, thì các

bên sẽ ký kết Bản Sửa Đổi Hợp Đồng Tín Dụng Trung Dài Hạn nhằm mục đích đó, và Bản Sửa Đổi Hợp Đồng Tín Dụng Trung Dài Hạn sẽ là một phần không tách rời của Hợp Đồng này.

If, at any time, the parties agree upon certain changes and/or supplements to the terms and conditions of the Facilities and/or any part of this Agreement, the parties shall sign an Amendment to Agreement to that effect, and the Amendment to Medium-term and Long-term Loans Facility Agreement shall be an integral part of this Agreement.

19. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ THẨM QUYỀN XÉT XỬ/ GOVERNING LAW AND JURISDICTION

- 19.1.** Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích phù hợp với luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

This Agreement shall be governed by and construed in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam.

- 19.2.** Bất kỳ tranh chấp nào mà các bên không tự giải quyết được (kể cả mâu thuẫn về mặt ngôn ngữ), hành động hoặc thủ tục tố tụng pháp lý nào liên quan đến hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này hoặc liên quan đến việc diễn giải Hợp Đồng này sẽ được tiến hành tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam. Không có quy định nào trong Hợp Đồng này ảnh hưởng đến quyền của Ngân Hàng trong việc đưa đơn khởi kiện dưới bất kỳ cách thức nào khác được luật pháp cho phép hoặc tiến hành thủ tục tố tụng pháp lý hoặc tiến hành bằng cách khác để buộc thực thi Hợp Đồng này tại bất kỳ cơ quan xét xử nào khác.

Any dispute that the parties cannot resolve themselves (including language discrepancies), or any legal action or proceeding with respect to or arising from the performance or interpretation of this Agreement may be brought in the People's Courts of Vietnam. Nothing herein shall affect the right of the Bank to serve process in any other manner permitted by law or to commence legal proceedings or otherwise proceed to enforce this Agreement in any other jurisdiction.

- 19.3.** Trong trường hợp bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được áp dụng đối với Hợp Đồng này được tiến hành ở nước ngoài, Ngân Hàng có quyền nộp đơn khởi kiện lên bất kỳ tòa án nào có thẩm quyền xét xử tại Việt Nam hoặc cơ quan xét xử ở nước ngoài để buộc thực thi biện pháp bảo đảm đó.

Where any security for this Agreement is taken from abroad, the Bank may petition to any court of jurisdiction in Vietnam or any foreign adjudicative body to enforce such security.

- 19.4.** Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền hoặc cơ quan xét xử ở nước ngoài có hiệu lực bắt buộc các bên phải thi hành. Bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí, kể cả án phí và phí luật sư liên quan đến tranh chấp, trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.

The judgments of a competent People's Court or a foreign adjudicative body shall be binding and enforceable by the parties. The non-prevailing party shall bear all costs, including court fees and attorney fees related to the dispute, unless the parties have agreed otherwise.

20. CHUYỂN NHƯỢNG/ ASSIGNMENT

20.1. Hợp Đồng này có tính ràng buộc (những) bên thế vị, người được chuyển nhượng, đại diện pháp luật, người nhận ủy thác, người quản lý, người cơ cấu lại và người thanh lý tương ứng của Các Bên Có Nghĩa Vụ.

This Agreement shall be binding upon the respective successor(s), assignee(s), legal representative(s), trustee(s), administrator(s), reorganizer(s), and liquidator(s) of the Obligors.

20.2. Bên Được Cấp Tín Dụng không được chuyển nhượng Hợp Đồng này nếu không được Ngân Hàng chấp thuận trước bằng văn bản.

This Agreement may not be assigned by the Borrower without the prior written consent of the Bank.

20.3. Ngân Hàng có quyền chuyển nhượng tất cả hoặc bất kỳ quyền nào của mình đối với các Khoản Cấp Tín Dụng theo Hợp Đồng này cùng với các quyền và nghĩa vụ của mình theo Tài Liệu Cấp Vốn cho bất kỳ bên thứ ba nào khác sau khi đưa ra thông báo trước bảy (07) ngày cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

The Bank may assign all or any of its rights in respect of the Facilities hereunder together with its rights and obligations under the Facility Documents to any third party on provision of seven (7) days' notice to the Borrower.

21. THÔNG BÁO/ NOTICES

Mọi thông tin liên lạc theo Tài Liệu Cấp Vốn phải được thực hiện bằng văn bản, trừ khi được quy định khác, và có thể được thực hiện bằng gửi thư cho người nhận tại địa chỉ được ghi cùng với tên người nhận như trên, và sẽ được xem là đã được thực hiện hoặc đã giao nếu giấy báo xác nhận thư đã được gửi đến địa chỉ trên.

Each communication to be made under the Facility Documents shall be made in writing, unless otherwise stated, and may be made by letter to the addressee at the address identified with its name above and shall be deemed to have been made or delivered if a delivery receipt confirms that the letter was sent to that address.

Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ gửi cho nhau thông báo xác nhận thông tin liên lạc của mỗi Bên để trao đổi, cung cấp các tài liệu, văn bản với nhau nhằm mục đích thực hiện hoặc theo yêu cầu hoặc liên quan đến Hợp Đồng này ngay sau khi Hợp Đồng này được ký kết.

The Bank and the Borrower will send each other written notice confirming their respective contact information as follows in order to exchange and provide documents to each other for the performance of or as requested by or relating to, this Agreement immediately after the execution of this Agreement.

22. CHI PHÍ/ EXPENSES

Mọi phí tổn và chi phí (kể cả phí tư vấn pháp lý) mà Ngân Hàng có thể phải chịu liên quan đến việc gia hạn hoặc buộc thực thi các Khoản Cấp Tín Dụng này và bất kỳ vấn đề liên quan nào phát sinh sẽ được Bên Được Cấp Tín Dụng hoàn lại khi được yêu cầu.

All costs and expenses (including legal fees) which may be incurred by the Bank in connection with the extension and enforcement of these Facilities and any related matters arising are to be reimbursed by the Borrower on demand.

23. THAY ĐỔI LUẬT/ CHANGES IN LAW

Các điều khoản sau đây, dù không được áp dụng vào ngày ghi trên (i) Tài Liệu Cấp Vốn và/hoặc (ii) các phụ lục sửa đổi của Tài Liệu Cấp Vốn, sẽ được áp dụng trong trường hợp có thay đổi về quy định của pháp luật hoặc thay đổi khác trong tương lai.

The following terms, although not applicable as at the date of (i) the Facility Documents and/or (ii) the addenda to the Facility Documents, will apply in the event of future regulatory or other changes.

23.1. Thuế/ Taxes

Bất kỳ thuế hoặc lệ phí chứng từ, trước bạ, đăng ký có bản chất là một khoản thuế mà có thể phải nộp hoặc được áp dụng trong tương lai đối với Tài Liệu Cấp Vốn và bất kỳ (các) khoản thuế nào khác được ấn định cho Khoản Cấp Tín Dụng kể cả các khoản thuế mà Ngân Hàng có thể phải nộp cho việc lập hoặc duy trì Khoản Cấp Tín Dụng sẽ do Bên Được Cấp Tín Dụng thanh toán hoặc hoàn trả cho Ngân Hàng nếu Ngân Hàng ứng trước cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

Any documentary, stamp registration taxes or charges in nature of tax which may in future become payable or applicable to the Facility Documents and any other tax or taxes assessed in respect of the Facilities including such taxes as may be payable by the Bank as a result of making or maintaining the Facilities, shall be paid by the Borrower or reimbursed to the Bank if advanced by the Bank on behalf of the Borrower.

23.2. Phê Chuẩn Nhà Nước/ Government Approval

Trong trường hợp luật pháp yêu cầu hoặc theo ý kiến hợp lý của Ngân Hàng thấy cần thiết rằng Bên Được Cấp Tín Dụng cần phải xin bất kỳ ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán bằng ngoại tệ), thì Bên Được Cấp Tín Dụng phải nhanh chóng xin ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép đó và ký mọi tài liệu, thỏa thuận, thông báo, đơn xin hoặc các giấy tờ cần thiết khác dưới bất kỳ bản chất nào mà có thể được yêu cầu hoặc cần thiết liên quan đến ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép nói trên.

If it is required by law or desirable in the Bank's reasonable opinion for the Borrower to seek any competent authority, consent, approval, or licences in order to perform the Borrower's obligations hereunder (including but not limited to settlement of payment in foreign currency), the Borrower will promptly apply for the same and sign all such documents, agreements,

notices, applications or other required papers of whatever nature as may be required or desirable in connection therewith.

Trong trường hợp pháp luật có thay đổi, các bên sẽ cập nhật và điều chỉnh Hợp Đồng này theo hình thức do Ngân Hàng quyết định phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Thỏa thuận cập nhật đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

If there is any change in the laws, the parties shall update and amend this Agreement in the form decided by the Bank in line with the laws of Vietnam. Such amendment agreement shall be an integral part of this Agreement.

24. KHÔNG KHUỐC TỪ CÁC QUYỀN/ NO WAIVER OF RIGHTS

Các quyền của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hình thành các quyền riêng và độc lập ngoài các quyền khác mà Ngân Hàng có thể có đối với Bên Được Cấp Tín Dụng theo các Hợp Đồng khác (bao gồm nhưng không giới hạn Thỏa Thuận Thương Mại Chung). Ngân Hàng được tự do thực thi bất kỳ quyền nào mà Ngân Hàng có thể chọn lựa để áp dụng cho Bên Được Cấp Tín Dụng.

The Bank's rights under this Agreement constitute separate and independent rights that are in addition to other rights that the Bank may have against the Borrower under other agreements (including, but not limited to, the General Commercial Agreement). The Bank is free to enforce whichever rights the Bank may choose against the Borrower.

25. HIỆU LỰC VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG/ VALIDITY AND EXECUTION

25.1. Trường hợp Bên Được Cấp Tín Dụng không thể gửi bản gốc của Hợp Đồng đã ký và đóng dấu cho Ngân Hàng trong thời hạn đã thỏa thuận, Ngân Hàng đồng ý cho Bên Được Cấp Tín Dụng gửi bản sao điện tử (scan) của Hợp Đồng đã được ký và đóng dấu để thay thế.

In the event that the Borrower is unable to send the original signed and stamped Agreement to the Bank within the agreed period, the Bank agrees to allow the Borrower to send a scanned copy of the signed and stamped Agreement as a substitute.

Bản sao điện tử (scan) này của Hợp Đồng sẽ được coi là có hiệu lực giữa các Bên và có giá trị tương đương với bản gốc cho đến khi Ngân Hàng nhận được bản gốc Hợp Đồng đã được ký và đóng dấu. Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý cam kết rằng bản sao điện tử (scan) này là đầy đủ và toàn vẹn và có nội dung chính xác với bản gốc và có đầy đủ hiệu lực pháp lý để thi hành.

The electronic (scanned) copy of this Agreement shall be considered effective between the Parties and shall have the same validity as the original until the Bank receives the original signed and stamped Agreement. The Borrower commit that this electronic (scanned) copy is complete and intact and accurately reflecting the content of the original, and is fully legally effective for enforcement.

25.2. Bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này có liên quan đến các nghiệp vụ cấp tín dụng cụ thể mà Ngân Hàng không cung cấp cho Bên Được Cấp Tín Dụng sẽ không áp dụng đối với Bên Được Cấp Tín Dụng.

Any provisions in this Agreement related to any specific facility forms not provided by the Bank to the Borrower shall not apply to the Borrower.

- 25.3. Trong trường hợp các bên có ký kết các hợp đồng đặc thù khác cho từng nghiệp vụ cấp tín dụng thì các điều khoản của hợp đồng đặc thù đó, nếu có mâu thuẫn hay khác biệt với Hợp Đồng này, sẽ được ưu tiên áp dụng so với các điều khoản của Hợp Đồng này.

In case the parties enter into other specialized agreements for each facility form, if there is any inconsistency or difference with this Agreement, the terms in those agreements shall prevail.

- 25.4. Các mẫu tài liệu chuẩn của Ngân Hàng như được điều chỉnh tại từng thời điểm và được đề cập tại Tài Liệu Cấp Vốn và/hoặc tất cả các phụ lục sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Tài Liệu Cấp Vốn và các văn bản nói trên được ký kết giữa Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng (gọi chung là “**Các Hợp Đồng**”) cùng tạo thành một bộ hợp đồng hoàn chỉnh không thể tách rời.

*The Bank's various standard form documents as amended from time to time and referred to in the Facility Documents and/or the all addenda or supplements or replacements to Facility Documents and the aforementioned documents entered into between the Bank and the Borrower (together the “**Agreements**”) collectively form a full and integral set of agreements.*

- 25.5. Các Hợp Đồng phải do những người ký tên được ủy quyền hợp lệ của Bên Được Cấp Tín Dụng ký và nộp cho Ngân Hàng. Bên Được Cấp Tín Dụng bảo đảm rằng những người ký tên vào Các Hợp Đồng này được Bên Được Cấp Tín Dụng ủy quyền hợp lệ để ký và ràng buộc Bên Được Cấp Tín Dụng.

The Agreement must be signed by the Borrower's duly authorized signatories and submitted to the Bank. The Borrower warrants that the signatories of these Agreements are duly authorized by it to sign and bind the Borrower.

- 25.6. Ngân Hàng có quyền không thực hiện bất kỳ giải ngân nào hoặc không thực hiện bất kỳ Nghiệp Vụ Thư Tín Dụng nào hoặc không thực hiện các hình thức cấp tín dụng nào khác liên quan đến bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận nào trong Các Hợp Đồng mà theo quan điểm của Ngân Hàng là không được ký hợp lệ hoặc không phù hợp. Bên Được Cấp Tín Dụng đồng ý rằng mỗi thỏa thuận trong Các Hợp Đồng (kể cả Thỏa Thuận Thương Mại Chung của Ngân Hàng) được Bên Được Cấp Tín Dụng ghi đầy đủ và ký hợp lệ, cùng với Hợp Đồng này sẽ hình thành chung một Hợp Đồng giữa Bên Được Cấp Tín Dụng và Ngân Hàng. Trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp Đồng này và Thỏa Thuận Thương Mại Chung đối với cùng một vấn đề được điều chỉnh thì nội dung Hợp Đồng này được ưu tiên áp dụng trong phạm vi sự mâu thuẫn đó.

The Bank reserves the right not to effect any drawings or to perform any Letter of Credits Operation or to provide any other forms of credit facility in relation to any agreement within the Agreement which is, in the Bank's view, not duly executed or appropriate. The Borrower agrees that each of the agreements (including the Bank's General Commercial Agreement) duly completed and executed by the Borrower, together with this Agreement, will together constitute a contract between the Borrower and the Bank. If there is any conflict between this Agreement and the General Commercial Agreement with respect to an issue governed by this Agreement and the General Commercial Agreement, this Agreement shall prevail to the extent of such conflict.

25.7. Hợp Đồng này có hiệu lực vào ngày ký.

This Agreement is effective as from the date of execution.

25.8. Hợp Đồng này gồm ____ trang, được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng mỗi bên giữ một (01) bản.

Hợp Đồng này và các Tài Liệu Cấp Vốn được lập song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt; trong trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt thì nội dung tiếng Việt có giá trị áp dụng và là căn cứ pháp lý để giải quyết các quyền và nghĩa vụ của Bên Được Cấp Tín Dụng và Ngân Hàng theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Cấp Vốn.

This Agreement is made in ____ pages, two (02) copies, each holding equal legal validity, the Bank and the Borrower keep a copy of each respectively.

This Agreement and the Facility Documents are made in bilingual in English and Vietnamese; in the event of any inconsistency between the English and the Vietnamese contents, the Vietnamese content will prevail and will be the legal basis for resolving the rights and obligations of the Borrower and the Bank in accordance with this Agreement and the Facility Documents.

Để làm chứng, Hợp Đồng này đã được Ngân Hàng và Bên Được Cấp Tín Dụng tham gia vào Hợp Đồng này ký vào ngày được ghi đầu tiên ở trên.

In witness thereof this Agreement has been executed by the Bank and the Borrower hereto on the date first above written.

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CHO

SIGNED AND SEALED FOR AND ON BEHALF OF

NGÂN HÀNG SINOPAC - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BANK SINOPAC - HO CHI MINH CITY BRANCH

Ông/Bà/ Mr./Ms. _____

Tổng Giám Đốc/ General Director

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CHO

SIGNED AND SEALED FOR AND ON BEHALF OF

[TÊN CÔNG TY]

[BORROWER NAME]

Ông/Bà/Mr./Ms. _____

Chức vụ/ Title: _____